

Hà Nội, Ngày 31 tháng 03 năm 2021

THƯ MỜI THẦU

Ngân hàng TMCP Sài Gòn - Hà Nội (SHB) tổ chức đấu thầu gói thầu “Trang bị phần cứng và bản quyền phần mềm phục vụ giải pháp Quản lý quan hệ khách hàng”. Trân trọng kính mời Quý Công ty tham dự chào thầu cho gói thầu nêu trên.

Quý Công ty có thể tìm hiểu thêm các thông tin cần thiết trong Hồ sơ mời thầu kèm theo. Hồ sơ dự thầu được đóng thùng kín có niêm phong và gửi đến địa chỉ Trung tâm Mua sắm Ngân hàng TMCP Sài Gòn – Hà Nội, tầng 3, Toà nhà 81 Trần Hưng Đạo, Phường Trần Hưng Đạo, Quận Hoàn Kiếm, Hà Nội.

Thời gian nộp hồ sơ dự thầu: Trước 15h ngày 21/04/2021.

Mọi chi tiết xin liên hệ: Ông Nguyễn Anh Dũng – Phòng Đấu thầu-Trung tâm Mua sắm

- Điện thoại: 02438223838, máy lẻ 2929.
- Điện thoại di động: 0976365688.

Trân trọng kính mời./.

NGÂN HÀNG TMCP SÀI GÒN HÀ NỘI



Phó Tổng Giám đốc
Ngô Thu Hà

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

HỒ SƠ MỜI THẦU

GÓI THẦU

**TRANG BỊ PHẦN CỨNG VÀ BẢN QUYỀN PHẦN MỀM
PHỤC VỤ GIẢI PHÁP QUẢN LÝ QUAN HỆ KHÁCH HÀNG**

Hà Nội, ngày 31 tháng 03 năm 2021

NGÂN HÀNG TMCP SÀI GÒN HÀ NỘI



Phó Tổng Giám đốc
Ngô Chu Hà

CÁC TỪ VIẾT TẮT

BDL	Bảng dữ liệu đấu thầu
HSMT	Hồ sơ mời thầu
HSDT	Hồ sơ dự thầu
VND	Đồng Việt Nam
SHB	Ngân hàng TMCP Sài Gòn - Hà Nội
Hàng hóa	Là các thiết bị phần cứng và dịch vụ triển khai theo yêu cầu của SHB
Server	Máy chủ
SAN	Thiết bị lưu trữ

PHẦN I

YÊU CẦU VỀ THỦ TỤC ĐẤU THẦU

CHƯƠNG I

CHỈ DẪN ĐỐI VỚI NHÀ THẦU

A. TỔNG QUÁT

Điều 1. Thông tin đấu thầu

1. SHB mời nhà thầu tham gia đấu thầu để Trang bị phần cứng và bản quyền phần mềm (sau đây gọi tắt là "Hàng hóa") để phục vụ triển khai giải pháp Quản lý quan hệ khách hàng (gọi tắt là CRM), tên gói thầu được mô tả trong BDL.

2. Thông tin chủ đầu tư: Thông tin về chủ đầu tư, địa chỉ trụ sở, mã số thuế, nơi nhận hồ sơ dự thầu được mô tả trong BDL.

Điều 2. Phương thức đấu thầu

SHB tổ chức đấu thầu theo phương thức một giai đoạn một túi hồ sơ, cụ thể:

Nhà thầu nộp hồ sơ kỹ thuật, tài chính vào một túi hồ sơ dự thầu.

Các tài liệu cần thiết trong hồ sơ dự thầu theo BDL

Điều 3. Điều kiện tham gia đấu thầu

1. Có tư cách hợp lệ như quy định trong BDL;

2. Chỉ được tham gia trong một HSDT với tư cách là nhà thầu độc lập hoặc liên danh, trường hợp liên danh phải có văn bản thỏa thuận giữa các thành viên trong đó quy định rõ thành viên đứng đầu liên danh, trách nhiệm chung và trách nhiệm riêng của từng thành viên đối với công việc thuộc gói thầu;

3. Đối với nhà thầu liên danh thì năng lực, kinh nghiệm được xác định bằng tổng năng lực, kinh nghiệm của các thành viên liên danh nhưng phải bảo đảm từng thành viên liên danh đáp ứng năng lực, kinh nghiệm đối với phần việc mà thành viên đó đảm nhận trong liên danh; nếu bất kỳ thành viên nào trong liên danh không đáp ứng về năng lực, kinh nghiệm đối với phần việc đảm nhận thì nhà thầu liên danh được đánh giá là không đáp ứng yêu cầu.

4. Bảo đảm cạnh tranh trong đấu thầu như quy định trong BDL.

Điều 4. Tính hợp lệ của hàng hóa

Tất cả các hàng hóa được coi là hợp lệ nếu có xuất xứ rõ ràng, hợp pháp, được quy định trong BDL.

Điều 5. Chi phí dự thầu

Nhà thầu phải chịu mọi chi phí liên quan đến quá trình tham gia đấu thầu, kể từ khi nhận HSMT cho đến khi thông báo kết quả đấu thầu, riêng đối với nhà thầu trúng thầu tính đến khi ký hợp đồng.

Điều 6. HSMT và giải thích làm rõ HSMT

1. HSMT bao gồm các nội dung được nêu tại các phần, chương, điều khoản và BDL của HSMT này. Việc kiểm tra, nghiên cứu các nội dung của HSMT để chuẩn bị HSDT thuộc trách nhiệm của nhà thầu.

2. Trường hợp nhà thầu muốn được giải thích làm rõ HSMT thì phải gửi văn bản đề nghị đến SHB theo địa chỉ và thời gian ghi trong BDL(hoặc gửi qua e-mail). Sau khi nhận được văn bản yêu cầu làm rõ HSMT theo thời gian quy định trong BDL, SHB sẽ có văn bản (hoặc email) trả lời và gửi cho tất cả các nhà thầu nhận HSMT.

3. Trong trường hợp cần thiết, SHB tổ chức hội nghị tiền đấu thầu để trao đổi về những nội dung trong HSMT mà các nhà thầu thấy chưa rõ. Nội dung trao đổi sẽ được SHB ghi lại thành biên bản và lập thành văn bản làm rõ HSMT gửi cho tất cả nhà thầu nhận HSMT.

Điều 7. Sửa đổi HSMT

Trường hợp cần thiết phải điều chỉnh phạm vi cung cấp hoặc điều chỉnh yêu cầu nào đó, SHB sẽ tiến hành sửa đổi HSMT (bao gồm cả việc gia hạn thời hạn nộp HSDT nếu cần thiết) bằng cách gửi văn bản sửa đổi HSMT tới tất cả các nhà thầu nhận HSMT được quy định trong BDL. Tài liệu này là một phần của HSMT.

B. CHUẨN BỊ HỒ SƠ DỰ THẦU

Điều 8. Ngôn ngữ sử dụng

Ngôn ngữ được sử dụng trong các tài liệu của HSDT là tiếng Việt. Các tài liệu sử dụng ngôn ngữ khác phải có bản dịch sang tiếng Việt và bản tiếng Việt là cơ sở pháp lý trong HSDT (tài liệu sử dụng các ngôn ngữ khác chỉ có tính chất tham khảo). Đối với Catalog và các tài liệu kỹ thuật khác có thể sử dụng bằng tiếng Anh.

Điều 9. Nội dung HSDT

HSDT do nhà thầu chuẩn bị phải bao gồm 01 bản gốc + 02 bản sao được đóng niêm phong theo quy định tại Điều 18 của HSMT, bao gồm các nội dung sau:

1. Đơn dự thầu theo quy định tại Điều 11 Chương này;
2. Giá dự thầu và biểu giá, đồng tiền dự thầu theo quy định tại Điều 12 và 13 Chương này;
3. Bảng tổng hợp thông số kỹ thuật đáp ứng yêu cầu tại Mục 3-II, Chương VI, Phần II HSMT.
4. Tài liệu chứng minh tư cách hợp lệ, năng lực và kinh nghiệm của nhà thầu theo quy định tại Điều 14 Chương này;
5. Tài liệu chứng minh tính hợp lệ và sự đáp ứng của hàng hóa theo quy định tại Điều 4 Chương này;
6. Bảo đảm dự thầu theo quy định tại Điều 15 Chương này.

Điều 10. Thay đổi tư cách tham gia đấu thầu

Trường hợp nhà thầu cần thay đổi tư cách (tên) tham gia đấu thầu so với khi mua HSMT thì phải thông báo bằng văn bản tới SHB. SHB chỉ xem xét khi nhận được văn bản thông báo này trước thời điểm đóng thầu.

Điều 11. Đơn dự thầu

Đơn dự thầu do nhà thầu chuẩn bị và được điền đầy đủ có chữ ký của người đại diện hợp pháp của nhà thầu (là người đại diện theo pháp luật của nhà thầu hoặc người được ủy quyền kèm theo giấy ủy quyền hợp lệ). Trường hợp ủy quyền, nhà thầu gửi kèm theo giấy ủy quyền để chứng minh tư cách hợp lệ của người được ủy quyền.

Điều 12. Giá dự thầu và biểu giá

1. Giá dự thầu là giá do nhà thầu nêu trong đơn dự thầu thuộc HSDT sau khi trừ phần giảm giá (nếu có). Giá chào phải bao gồm toàn bộ các chi phí cần thiết để thực hiện gói thầu (vận chuyển, giao hàng tại địa chỉ cụ thể, lắp đặt, cài đặt, đào tạo, hướng dẫn sử dụng...) và các loại thuế theo quy định của pháp luật.

2. Trường hợp nhà thầu có thư giảm giá thì có thể nộp cùng với HSDT hoặc nộp riêng song phải đảm bảo nộp trước thời điểm đóng thầu. Trường hợp thư giảm giá nộp cùng với HSDT thì nhà thầu phải thông báo cho SHB trước hoặc tại thời điểm đóng thầu. Trong thư giảm giá cần nêu rõ nội dung và cách thức giảm giá vào các hạng mục cụ thể trong biểu giá. Trường hợp không nêu rõ cách thức giảm giá thì được hiểu là giảm đều theo tỷ lệ cho từng hạng mục trong biểu giá.

3. Nhà thầu phải điền đầy đủ các thông tin phù hợp vào biểu giá như đơn giá, giá trị cho từng hạng mục hàng hóa và tổng giá dự thầu. Trong mỗi biểu giá, nhà thầu phải ghi rõ các yếu tố cấu thành giá chào, biểu giá chi tiết theo quy định tại Mục I, Phần III, Chương V HSMT.

Điều 13. Đồng tiền dự thầu

Giá dự thầu sẽ được chào bằng đồng tiền được quy định trong BDL.

Điều 14. Tài liệu chứng minh năng lực và kinh nghiệm của nhà thầu

Tài liệu chứng minh năng lực và kinh nghiệm của nhà thầu như quy định trong BDL.

Điều 15. Bảo đảm dự thầu và bảo đảm thực hiện hợp đồng

1. Khi tham gia đấu thầu, nhà thầu phải thực hiện biện pháp bảo đảm dự thầu trước thời điểm đóng thầu theo quy định trong BDL.

2. Bảo đảm dự thầu được coi là không hợp lệ khi thuộc một trong các trường hợp sau đây: có giá trị thấp hơn, không đúng đồng tiền quy định, thời gian hiệu lực ngắn hơn, không nộp theo địa chỉ và thời gian quy định trong HSMT, không đúng tên nhà thầu, không phải là bản gốc và không có chữ ký hợp lệ (đối với thư bảo đảm của ngân hàng).

3. Nhà thầu không trúng thầu sẽ được hoàn trả bảo đảm dự thầu trong thời gian quy định trong BDL. Đối với nhà thầu trúng thầu, bảo đảm dự thầu được hoàn trả sau khi nhà thầu thực hiện biện pháp bảo đảm thực hiện hợp đồng.

4. Bảo đảm dự thầu sẽ không được hoàn trả và xử lý theo quy định của pháp luật trong các trường hợp sau đây:

- a) Nhà thầu rút HSDT sau khi đóng thầu mà HSDT vẫn còn hiệu lực;
- b) Trong thời hạn 3 ngày kể từ khi nhận được thông báo trúng thầu của SHB mà không tiến hành hoặc từ chối tiến hành thương thảo, hoàn thiện hợp đồng hoặc đã thương thảo, hoàn thiện xong nhưng từ chối ký hợp đồng;

5. Nhà thầu trúng thầu phải thực hiện biện pháp bảo đảm thực hiện hợp đồng quy định trong BDL để đảm bảo nghĩa vụ và trách nhiệm của mình trong việc thực hiện hợp đồng .

Nhà thầu không được nhận lại bảo đảm thực hiện hợp đồng trong trường hợp từ chối thực hiện hợp đồng sau khi hợp đồng có hiệu lực.

Điều 16. Thời gian có hiệu lực của HSDT

1. Thời gian có hiệu lực của HSDT phải đảm bảo như quy định trong BDL và được tính từ thời điểm đóng thầu; HSDT có thời gian có hiệu lực ngắn hơn bị coi là không hợp lệ và bị loại.

2. SHB có thể gửi văn bản yêu cầu nhà thầu gia hạn thời gian có hiệu lực của HSDT nhưng không quá 30 ngày, kèm theo việc yêu cầu nhà thầu gia hạn tương ứng thời gian có hiệu lực của bảo đảm dự thầu. Nếu nhà thầu không chấp nhận việc gia hạn thì HSDT của nhà thầu này sẽ không được xem xét tiếp và trong trường hợp này nhà thầu được nhận lại bảo đảm dự thầu.

Điều 17. Quy cách của HSDT và chữ ký trong HSDT

1. Nhà thầu phải chuẩn bị 01 bản gốc và một số bản sao HSDT được quy định trong BDL và ghi rõ "bản gốc" và "bản sao" tương ứng. Nhà thầu phải chịu trách nhiệm về tính chính xác và phù hợp giữa bản sao và bản gốc. Trong quá trình đánh giá, nếu SHB phát hiện bản sao có lỗi kỹ thuật như nhòe, không rõ chữ, thiếu trang... thì lấy nội dung của bản gốc làm cơ sở. Trường hợp bản sao có nội dung sai khác so với bản gốc thì tùy theo mức độ sai khác, SHB sẽ quyết định xử lý cho phù hợp, chẳng hạn sai khác đó là không cơ bản, không làm thay đổi bản chất của HSDT thì được coi là lỗi chấp nhận được; nhưng nếu sai khác đó làm thay đổi nội dung cơ bản của HSDT so với bản gốc thì bị coi là gian lận, HSDT sẽ bị loại.

2. HSDT phải được đánh máy, in bằng mực không tẩy được, đánh số trang theo thứ tự liên tục. Đơn dự thầu, thư giảm giá, biểu giá chào và các văn bản bổ sung làm rõ HSDT của nhà thầu phải được đại diện hợp pháp của nhà thầu ký.

3. Những chữ viết chen giữa, tẩy xóa hoặc viết đè lên bản đánh máy chỉ có giá trị khi có chữ ký ở bên cạnh của người ký đơn dự thầu và được đóng dấu (nếu có).

C. NỘP HỒ SƠ DỰ THẦU

Điều 18. Niêm phong và cách ghi trên túi đựng HSDT

1. HSDT phải được đựng trong túi có niêm phong bên ngoài (cách đánh dấu niêm phong do nhà thầu tự quy định). Cách trình bày các thông tin trên túi đựng HSDT được quy định trong BDL.

2. Trong trường hợp HSDT gồm nhiều tài liệu, nhà thầu cần thực hiện việc đóng gói toàn bộ tài liệu sao cho việc tiếp nhận và bảo quản HSDT của SHB được thuận tiện, đảm bảo sự toàn vẹn của HSDT, tránh thất lạc, mất mát. Nhà thầu nên đóng gói tất cả các tài liệu của HSDT vào cùng một túi. Trường hợp cần đóng gói thành nhiều túi nhỏ để dễ

vận chuyển thì trên mỗi túi phải ghi rõ số thứ tự từng túi trên tổng số túi để đảm bảo tính thống nhất và từng túi cũng phải được đóng gói, niêm phong và ghi theo đúng quy định.

3. Nhà thầu phải chịu trách nhiệm về hậu quả hoặc sự bất lợi nếu không tuân theo quy định trong HSMT như không niêm phong hoặc làm mất niêm phong HSDT trong quá trình chuyển tới SHB, không ghi đúng các thông tin trên túi đựng HSDT. SHB sẽ không chịu trách nhiệm về tính bảo mật thông tin của HSDT nếu nhà thầu không thực hiện đúng theo chỉ dẫn.

Điều 19. Thời hạn nộp HSDT

1. HSDT do nhà thầu nộp trực tiếp hoặc gửi đến địa chỉ của SHB quy định và phải đảm bảo SHB nhận được trước thời điểm đóng thầu quy định trong BDL.

2. SHB có thể gia hạn thời hạn nộp HSDT (thời điểm đóng thầu) trong trường hợp cần tăng thêm số lượng HSDT hoặc khi sửa đổi HSMT theo Điều 7 HSMT này hoặc theo yêu cầu của nhà thầu khi SHB xét thấy cần thiết.

3. Khi gia hạn thời hạn nộp HSDT, SHB thông báo bằng văn bản cho các nhà thầu đã nộp HSDT, trong đó ghi rõ thời điểm đóng thầu mới để nhà thầu sửa lại thời gian có hiệu lực của HSDT và bảo đảm dự thầu nếu thấy cần thiết. Nhà thầu có thể nhận lại và chỉnh sửa HSDT đã nộp. Trường hợp nhà thầu chưa nhận lại hoặc không nhận lại HSDT thì SHB quản lý HSDT đó theo chế độ quản lý hồ sơ “mật”.

Điều 20. HSDT nộp muộn

Bất kỳ tài liệu nào thuộc HSDT kể cả thư giảm giá (nếu có) mà SHB nhận được sau thời điểm đóng thầu đều được coi là không hợp lệ và được gửi trả lại cho nhà thầu theo nguyên trạng, trừ tài liệu làm rõ HSDT theo yêu cầu của SHB.

Điều 21. Sửa đổi hoặc rút HSDT

Khi muốn sửa đổi hoặc rút HSDT đã nộp, nhà thầu phải có văn bản đề nghị và SHB chỉ chấp thuận nếu nhận được văn bản đề nghị của nhà thầu trước thời điểm đóng thầu; văn bản đề nghị rút HSDT phải được gửi riêng biệt với HSDT.

D. MỞ THẦU VÀ ĐÁNH GIÁ HỒ SƠ DỰ THẦU

Điều 22. Mở thầu

1. Việc mở thầu được tiến hành công khai ngay sau thời điểm đóng thầu theo ngày, giờ, địa điểm quy định trong BDL trước sự chứng kiến của những người có mặt và không phụ thuộc vào sự có mặt hay vắng mặt của các nhà thầu được mời. SHB có thể mời đại diện của các cơ quan có liên quan đến tham dự lễ mở thầu.

2. SHB tiến hành mở lần lượt HSDT của từng nhà thầu nộp HSDT trước thời điểm đóng thầu. Nhà thầu phải chịu trách nhiệm về hậu quả hoặc sự bất lợi nếu không tuân theo quy định trong HSMT như nhà thầu không niêm phong hoặc làm mất niêm phong HSDT trong quá trình chuyển tới SHB, không ghi đúng các thông tin trên túi đựng HSDT theo hướng dẫn. HSDT của nhà thầu có văn bản xin rút HSDT đã nộp (nộp riêng biệt với HSDT và SHB nhận được trước thời điểm đóng thầu) và HSDT của nhà thầu nộp sau thời điểm đóng thầu sẽ không được mở và được trả lại nguyên trạng cho nhà thầu.

3. Việc mở HSDT của từng nhà thầu được thực hiện theo trình tự như sau:

a) Kiểm tra niêm phong HSDT ;

b) Mở HSDT và đọc các thông tin về :

- Tên nhà thầu;
- Số lượng bản gốc, bản chụp HSDT;
- Giá chào thầu
- Thời gian có hiệu lực của HSDT;
- Giá trị, thời hạn hiệu lực và biện pháp bảo đảm dự thầu;
- Thời gian thực hiện hợp đồng;
- Các thông tin khác có liên quan.

4. Biên bản mở thầu: Các thông tin nêu tại Điểm c Khoản 3 phải được ghi trong biên bản mở thầu. Biên bản mở thầu phải được ký xác nhận bởi đại diện của SHB và các nhà thầu tham dự lễ mở thầu. Bản chụp Biên bản mở thầu được gửi cho các nhà thầu tham dự thầu.

Điều 23. Làm rõ HSDT

1. Sau khi mở thầu, nhà thầu có trách nhiệm làm rõ hồ sơ dự thầu theo yêu cầu của bên mời thầu. Trường hợp hồ sơ dự thầu của nhà thầu thiếu tài liệu chứng minh tư cách hợp lệ, năng lực và kinh nghiệm thì bên mời thầu yêu cầu nhà thầu làm rõ, bổ sung tài liệu để chứng minh tư cách hợp lệ, năng lực và kinh nghiệm. Đối với các nội dung về kỹ thuật, tài chính nêu trong hồ sơ dự thầu của nhà thầu, việc làm rõ phải bảo đảm nguyên tắc không làm thay đổi nội dung cơ bản của hồ sơ dự thầu đã nộp, không thay đổi giá dự thầu.

2. Trường hợp sau khi đóng thầu, nếu nhà thầu phát hiện hồ sơ dự thầu thiếu các tài liệu chứng minh tư cách hợp lệ, năng lực và kinh nghiệm thì nhà thầu được phép gửi tài liệu đến bên mời thầu để làm rõ về tư cách hợp lệ, năng lực và kinh nghiệm của mình. Tất cả các tài liệu này (nếu có) phải được đóng tập và thực hiện như đối với HSDT (ký

tên, chứng thực, số bản gốc, số bản sao,...). Thời gian cho phép nhà thầu tự giữ hồ sơ bổ sung này không quá 07 ngày kể từ thời điểm đóng thầu.

Bên mời thầu sẽ tiếp nhận những tài liệu làm rõ của nhà thầu để xem xét, đánh giá; các tài liệu bổ sung, làm rõ hợp lệ về tư cách hợp lệ, năng lực và kinh nghiệm được coi như một phần của hồ sơ dự thầu.

3. Việc làm rõ hồ sơ dự thầu chỉ được thực hiện giữa bên mời thầu và nhà thầu có hồ sơ dự thầu cần phải làm rõ và phải bảo đảm nguyên tắc không làm thay đổi bản chất của nhà thầu tham dự thầu. Nội dung làm rõ hồ sơ dự thầu phải thể hiện bằng văn bản và được bên mời thầu bảo quản như một phần của hồ sơ dự thầu.

Điều 24. Đánh giá sơ bộ HSDT

I. Nguyên tắc đánh giá hồ sơ dự thầu:

Việc đánh giá hồ sơ dự thầu căn cứ vào tiêu chuẩn đánh giá hồ sơ dự thầu và các yêu cầu khác trong hồ sơ mời thầu, căn cứ vào hồ sơ dự thầu đã nộp, các tài liệu giải thích, làm rõ hồ sơ dự thầu của nhà thầu để bảo đảm lựa chọn được nhà thầu có đủ năng lực và kinh nghiệm, có giải pháp khả thi để thực hiện gói thầu.

II. Nội dung đánh giá hồ sơ dự thầu:

1. Kiểm tra tính hợp lệ của HSDT, gồm:

a. Kiểm tra số lượng bản gốc, bản chụp của hồ sơ dự thầu.

b. Kiểm tra các thành phần của hồ sơ dự thầu, bao gồm: Đơn dự thầu, thoả thuận liên danh (nếu có), giấy uỷ quyền ký đơn dự thầu (nếu có); bảo đảm dự thầu; các tài liệu chứng minh tư cách hợp lệ; tài liệu chứng minh năng lực và kinh nghiệm; đề xuất về kỹ thuật, đề xuất về tài chính và các thành phần khác thuộc hồ sơ dự thầu;

c. Kiểm tra sự thống nhất nội dung giữa bản gốc và bản chụp để phục vụ quá trình đánh giá chi tiết hồ sơ dự thầu.

2. Đánh giá tính hợp lệ của hồ sơ dự thầu:

a. Có bản gốc hồ sơ dự thầu;

b. Có đơn dự thầu được đại diện hợp pháp của nhà thầu ký tên, đóng dấu theo yêu cầu của hồ sơ mời thầu; thời gian thực hiện gói thầu nêu trong đơn dự thầu phải phù hợp với đề xuất về mặt kỹ thuật. Đối với nhà thầu liên danh, đơn dự thầu phải do đại diện hợp pháp của từng thành viên ký tên, đóng dấu hoặc thành viên đứng đầu liên danh thay mặt liên danh ký đơn dự thầu theo phân công trách nhiệm trong văn bản thoả thuận liên danh.

c. Hiệu lực của hồ sơ dự thầu đáp ứng yêu cầu theo quy định trong hồ sơ mời thầu.

d. Có bảo đảm dự thầu với giá trị và thời hạn hiệu lực đáp ứng yêu cầu của hồ sơ mời thầu; đối với bảo đảm dự thầu theo hình thức thư bảo lãnh ngân hàng thì phải được đại diện hợp pháp của tổ chức tín dụng tại Việt Nam ký tên, đóng dấu và đảm bảo thời gian hiệu lực và giá trị bảo đảm theo yêu cầu của hồ sơ mời thầu.

đ. Không có tên trong hai hoặc nhiều hồ sơ dự thầu với tư cách là nhà thầu chính (nhà thầu độc lập hoặc thành viên trong liên danh).

e. Có thoả thuận liên danh được đại diện hợp pháp của từng thành viên liên danh ký tên, đóng dấu.

f. Nhà thầu không đang trong thời gian bị cấm tham gia hoạt động đấu thầu theo quy định của pháp luật về đấu thầu.

h. Tính hợp lệ, sự phù hợp (đáp ứng) của hàng hoá theo quy định tại Điều 4 HSMT;

Chi tiết gồm các nội dung quy định tại **Bảng tiêu chuẩn đánh giá số 1**

3. Đánh giá năng lực và kinh nghiệm của nhà thầu theo tiêu chuẩn đánh giá về năng lực và kinh nghiệm quy định tại Chương III

Chi tiết gồm các nội dung quy định tại **Bảng tiêu chuẩn đánh giá số 2**

Điều 25. Đánh giá về mặt kỹ thuật

SHB tiến hành đánh giá về mặt kỹ thuật theo thang điểm.

Chi tiết thang điểm chấm đánh giá theo **Bảng tiêu chuẩn đánh giá số 3**

Điều 26. Xác định giá đánh giá

SHB xác định giá đánh giá của các HSDT theo trình tự sau đây: xác định giá dự thầu; sửa lỗi; hiệu chỉnh các sai lệch; chuyển đổi giá dự thầu sau sửa lỗi và hiệu chỉnh sai lệch sang một đồng tiền chung (nếu có); đưa các chi phí về một mặt bằng để xác định giá đánh giá. Trường hợp có thư giảm giá thì SHB sẽ thực hiện sửa lỗi, hiệu chỉnh sai lệch trên cơ sở giá dự thầu chưa trừ đi giá trị giảm giá. Trong trường hợp đó, việc xác định giá trị tuyệt đối của lỗi số học hoặc sai lệch được tính trên cơ sở giá trị thầu ghi trong đơn. Giá đánh giá được xác định trên cùng một mặt bằng các yếu tố về kỹ thuật, tài chính, thương mại và các yếu tố khác để so sánh, xếp hạng HSDT. Các yếu tố để xác định giá đánh giá được nêu tại Chương III HSMT.

Chi tiết gồm các nội dung quy định tại **Bảng tiêu chuẩn đánh giá số 4.**

Điều 27. Sửa lỗi

1. Sửa lỗi là việc sửa lại những sai sót trong HSDT bao gồm lỗi số học, lỗi khác và được tiến hành theo nguyên tắc sau đây:

a) Đối với lỗi số học bao gồm những lỗi do thực hiện các phép tính cộng, trừ, nhân, chia không chính xác:

- Trường hợp không nhất quán giữa đơn giá và thành tiền thì lấy đơn giá làm cơ sở pháp lý cho việc sửa lỗi;

- Trường hợp không nhất quán giữa bảng giá tổng hợp và bảng giá chi tiết thì lấy bảng giá chi tiết làm cơ sở pháp lý cho việc sửa lỗi.

b) Đối với các lỗi khác:

- Cột thành tiền được điền vào mà không có đơn giá tương ứng thì đơn giá được xác định bổ sung bằng cách chia thành tiền cho số lượng;

- Khi có đơn giá nhưng cột thành tiền bỏ trống thì thành tiền sẽ được xác định bổ sung bằng cách nhân số lượng với đơn giá;

- Nếu một nội dung nào đó có điền đơn giá và thành tiền nhưng bỏ trống số lượng thì số lượng bỏ trống được xác định bổ sung bằng cách chia thành tiền cho đơn giá của nội dung đó. Trường hợp số lượng được xác định bổ sung nêu trên khác với số lượng nêu trong HSMT thì được coi là sai lệch về phạm vi cung cấp và được hiệu chỉnh theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 28 Chương này.

- Lỗi nhầm đơn vị: sử dụng dấu "," (dấu phẩy) thay cho dấu "." (dấu chấm) và ngược lại thì được sửa lại cho phù hợp theo cách viết của Việt Nam.

2. Sau khi sửa lỗi theo nguyên tắc trên, SHB sẽ thông báo bằng văn bản cho nhà thầu. Nhà thầu phải có văn bản thông báo cho SHB về việc chấp nhận sửa lỗi nêu trên. Nếu nhà thầu không chấp nhận việc sửa lỗi thì HSDT của nhà thầu đó sẽ bị loại. Trường hợp HSDT có lỗi số học với tổng giá trị tuyệt đối lớn hơn 10% giá dự thầu cũng sẽ bị loại. Lỗi số học được tính theo tổng giá trị tuyệt đối, không phụ thuộc vào việc giá dự thầu tăng lên hay giảm đi sau khi sửa.

Điều 28. Hiệu chỉnh các sai lệch

1. Hiệu chỉnh các sai lệch là việc điều chỉnh những nội dung thiếu hoặc thừa trong HSDT so với yêu cầu của HSMT cũng như điều chỉnh những khác biệt giữa các phần của HSDT; giữa con số và chữ viết; giữa nội dung trong đơn dự thầu và các phần khác của HSDT. Việc hiệu chỉnh các sai lệch được thực hiện như sau:

a) Trường hợp có những sai lệch về phạm vi cung cấp thì phần chào thiếu sẽ được cộng thêm vào, phần chào thừa sẽ được trừ đi theo nguyên tắc nếu không thể tách ra trong giá dự thầu của nhà thầu đang tiến hành sửa sai lệch thì lấy mức giá chào cao nhất đối với nội dung này (nếu chào thiếu) và lấy mức giá chào thấp nhất (nếu chào thừa) trong số các HSDT khác vượt qua bước đánh giá về mặt kỹ thuật. Trong trường hợp các HSDT khác vượt qua bước đánh giá về mặt kỹ thuật cũng không có hoặc chỉ có một nhà thầu duy nhất vượt qua bước đánh giá về mặt kỹ thuật thì tiến hành sửa sai lệch trên cơ sở lấy mức giá của nhà thầu này (nếu có) hoặc của các HSDT hoặc trong dự toán, tổng dự toán hoặc trong giá gói thầu được duyệt theo nguyên tắc lấy mức giá cao nhất (đối với chào thiếu) hoặc thấp nhất (đối với chào thừa) để áp dụng cho các nội dung nêu trên;

b) Trường hợp không nhất quán giữa con số và chữ viết thì lấy chữ viết làm cơ sở pháp lý cho việc hiệu chỉnh sai lệch;

c) Trường hợp có sự sai khác giữa giá ghi trong đơn dự thầu (không kể giảm giá) và giá trong biểu giá tổng hợp thì được coi đây là sai lệch và việc hiệu chỉnh sai lệch này được căn cứ vào giá ghi trong biểu giá tổng hợp sau khi được hiệu chỉnh và sửa lỗi theo biểu giá chi tiết.

2. HSDT có sai lệch với tổng giá trị tuyệt đối lớn hơn 10% giá dự thầu sẽ bị loại. Giá trị các sai lệch được tính theo tổng giá trị tuyệt đối, không phụ thuộc vào việc giá dự thầu tăng lên hay giảm đi sau khi hiệu chỉnh sai lệch.

E. TRÚNG THẦU

Điều 29. Điều kiện được xem xét trúng thầu:

1. Có HSDT hợp lệ (Theo bảng tiêu chuẩn đánh giá số 1);
2. Có năng lực và kinh nghiệm đáp ứng yêu cầu của HSMT (Theo bảng tiêu chuẩn đánh giá số 2);
3. Có đề xuất về kỹ thuật đáp ứng yêu cầu của HSMT (Theo bảng tiêu chuẩn đánh giá số 3);
4. Có sai lệch không quá 10% giá dự thầu (Theo Điều 28 HSMT);
5. Có giá dự thầu sau khi sửa lỗi, hiệu chỉnh sai lệch và giảm giá (nếu có) thấp nhất.

Điều 30. Quyền của bên mời thầu được chấp nhận, loại bỏ bất kỳ hoặc tất cả các HSDT

SHB được quyền đề xuất chấp nhận, loại bỏ HSDT hoặc hủy đấu thầu nếu không có nhà thầu nào đáp ứng yêu cầu và nhu cầu của SHB.

Điều 31. Thông báo kết quả đấu thầu

Ngay sau khi có quyết định phê duyệt kết quả đấu thầu, SHB gửi văn bản thông báo kết quả đấu thầu cho các nhà thầu tham dự thầu (bao gồm cả nhà thầu trúng thầu và nhà thầu không trúng thầu). Trong thông báo kết quả đấu thầu, SHB không phải giải thích lý do đối với nhà thầu không trúng thầu.

Điều 32. Thương thảo, hoàn thiện và ký kết hợp đồng

Thương thảo, hoàn thiện và ký kết hợp đồng được thực hiện như sau:

1. Việc thương thảo, hoàn thiện hợp đồng để ký kết hợp đồng căn cứ theo các nội dung sau:

- Kết quả đấu thầu được duyệt;
- Dự thảo hợp đồng đã được điền đầy đủ thông tin cụ thể của gói thầu;
- Các yêu cầu nêu trong HSMT;
- Các nội dung nêu trong HSDT và giải thích làm rõ HSDT của nhà thầu trúng thầu (nếu có);
- Các nội dung cần được thương thảo, hoàn thiện hợp đồng giữa SHB và nhà thầu trúng thầu.

2. Sau khi nhận được thông báo trúng thầu, trong vòng 3 ngày kể từ ngày nhận được thông báo trúng thầu, nhà thầu trúng thầu phải gửi cho SHB thư chấp thuận thương thảo, hoàn thiện hợp đồng. Quá thời hạn nêu trên, nếu SHB không nhận được thư chấp thuận hoặc nhà thầu từ chối thương thảo, hoàn thiện hợp đồng thì bảo đảm dự thầu của nhà thầu này sẽ bị xử lý theo quy định. Đồng thời, SHB sẽ báo cáo đến cấp có thẩm quyền quyết định hủy kết quả đấu thầu trước đó và xem xét, quyết định nhà thầu xếp hạng tiếp theo trúng thầu để mời vào thương thảo, hoàn thiện hợp đồng. Trong trường hợp đó, nhà thầu sẽ được SHB yêu cầu gia hạn hiệu lực HSDT và bảo đảm dự thầu nếu cần thiết.

3. Nội dung thương thảo, hoàn thiện hợp đồng bao gồm các vấn đề còn tồn tại, chưa hoàn chỉnh, đặc biệt là việc áp giá đối với những sai lệch trong HSDT trên nguyên tắc đảm bảo giá ký hợp đồng không vượt giá trúng thầu được duyệt. Việc thương thảo, hoàn thiện hợp đồng cũng bao gồm cả việc nghiên cứu các sáng kiến, giải pháp do nhà thầu đề xuất, phương án thay thế (nếu có yêu cầu), chi tiết hoá các nội dung còn chưa cụ thể, ...

4. Sau khi đạt được kết quả thương thảo, hoàn thiện, SHB và nhà thầu sẽ tiến hành ký hợp đồng.

CHƯƠNG II

BẢNG DỮ LIỆU ĐẦU THẦU

Bảng dữ liệu đầu thầu bao gồm các nội dung chi tiết của gói thầu theo một số Điều tương ứng trong Chương I (Chỉ dẫn đối với nhà thầu). Nếu có bất kỳ sự khác biệt nào so với các nội dung tương ứng trong Chương I thì căn cứ vào các nội dung trong Chương này.

Điều	Khoản	Nội dung
1	1	Tên gói thầu: “Trang bị phần cứng và bản quyền phần mềm phục vụ giải pháp Quản lý quan hệ khách hàng”
	2	Chủ đầu tư: Ngân hàng TMCP Sài Gòn – Hà Nội (SHB) Địa chỉ trụ sở: Số 77 Phố Trần Hưng Đạo, Phường Trần Hưng Đạo, Quận Hoàn Kiếm, Thành Phố Hà Nội. Mã số thuế: 1800278630 <u>Nơi nhận hồ sơ dự thầu:</u> Trung tâm Mua sắm, Tầng 3- số 81 Phố Trần Hưng Đạo, Phường Trần Hưng Đạo, Quận Hoàn Kiếm, Thành Phố Hà Nội. Người liên hệ: Nguyễn Anh Dũng Điện thoại: 02438223838-2929, Mobile: 0976365688
2		Nhà thầu nộp hồ sơ dự thầu bao gồm các tài liệu sau: + Đơn dự thầu. + Giá dự thầu và biểu giá theo quy định; + Thư giảm giá (nếu có) + Tài liệu chứng minh tư cách hợp lệ, năng lực kinh nghiệm theo yêu cầu của hồ sơ mời thầu; + Tài liệu chứng minh tính hợp lệ và sự phù hợp (đáp ứng) của hàng hóa yêu cầu của hồ sơ mời thầu; + Giấy tờ chứng minh mối quan hệ với các hãng sản xuất + Bảo đảm dự thầu theo quy định của hồ sơ mời thầu; + Các tài liệu kỹ thuật khác liên quan theo yêu cầu hồ sơ mời thầu.
3	1	Tư cách hợp lệ của nhà thầu: Nhà thầu phải có đủ các điều kiện sau: - Nhà thầu phải nộp bản sao Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh hoặc Giấy phép kinh doanh hoặc Giấy chứng nhận đầu tư. - Hạch toán tài chính độc lập; - Không đang trong quá trình giải thể; không bị kết luận đang lâm vào tình trạng phá sản hoặc nợ không có khả năng chi trả theo quy định của pháp luật; - Không thuộc diện bị cấm tham gia đấu thầu theo quy định của Luật Đấu thầu. - Trường hợp liên danh: Ngoài việc từng nhà thầu nộp các giấy tờ như quy định đối với nhà thầu độc lập, nhà thầu liên danh phải nộp kèm theo văn bản thỏa thuận liên danh giữa các nhà thầu được ký bởi đại diện hợp pháp của các nhà

Điều	Khoản	Nội dung
		thầu trong đó quy định rõ quyền hạn và trách nhiệm của từng nhà thầu đối với gói thầu. - Có giấy tờ chứng minh tư cách hợp pháp của người đại diện nhà thầu trong đơn dự thầu.
	4	Bảo đảm cạnh tranh trong đấu thầu: Nhà thầu tham gia đấu thầu phải độc lập về tổ chức và độc lập về tài chính với SHB (Trường hợp liên danh thì từng nhà thầu phải độc lập về tổ chức và độc lập về tài chính). Nhà thầu cần xem kỹ mọi hướng dẫn, mẫu khai, thời hạn và các thông tin khác trong HSMT. HSDT của Nhà thầu có thể bị loại nếu không cung cấp đủ thông tin cần thiết hay nếu hồ sơ đó về cơ bản không đạt yêu cầu của HSMT.
4		Hàng hóa được coi là hợp lệ khi đáp ứng các yêu cầu sau: - Các thiết bị là đồng bộ, đảm bảo là hàng mới 100% và chưa qua sử dụng. Thiết bị cung cấp phải được sản xuất trong năm 2020 và không thuộc danh mục ngừng sản xuất của hãng sản xuất trong thời gian ít nhất 05 năm kể từ ngày chào giá và ngừng hỗ trợ dịch vụ kỹ thuật trong vòng ít nhất 08 năm (<i>có kèm theo tài liệu chứng minh của hãng hoặc thư xác nhận của hãng</i>) - Các thiết bị phải có giấy chứng nhận chất lượng sản phẩm (CQ) cấp cho SHB, chứng nhận xuất xứ hàng hóa(CO) kèm theo: Serial Number, Phiếu bảo hành...của chính hãng. - Các thiết bị và bản quyền phần mềm cung cấp theo gói thầu phải đảm bảo thời gian bảo hành và hỗ trợ kỹ thuật 36 tháng. - Xuất xứ hàng hóa: Singapore, Malaysia, Mỹ, Nhật Bản, G7, các nước châu Âu và khu vực Trung Đông.
6	2	Địa chỉ nhận văn bản đề nghị giải thích, làm rõ: Nêu tại Điều 1 Khoản 2 BDL. Thời gian nhận được văn bản yêu cầu giải thích không muộn hơn 05 ngày làm việc trước thời điểm đóng thầu.
7	1	SHB có quyền sửa đổi HSMT bằng cách phát hành phần bổ sung với bất kỳ lý do nào và tại bất kỳ thời điểm nào trước hạn nộp HSDT hoặc sau thời điểm đóng thầu (nếu chưa tiến hành mở hồ sơ dự thầu). Tất cả các bên tham gia đấu thầu đều được thông báo về phần bổ sung bằng văn bản và họ sẽ bị ràng buộc bởi phần bổ sung này. Để nhà thầu có đủ thời gian điều chỉnh HSDT thích ứng với phần sửa đổi, SHB sẽ gia hạn thời gian nộp HSDT, nếu cần thiết.
13	1	Đồng tiền dự thầu: Việt Nam đồng (VND).

Điều	Khoản	Nội dung
14	1	Năng lực và kinh nghiệm: Nhà thầu phải đáp ứng hoặc cung cấp các tài liệu sau nhằm đáp ứng yêu cầu về năng lực và kinh nghiệm: <u>*Năng lực cung cấp, triển khai</u> 1. Nhà thầu phải có tối thiểu 05 năm kinh nghiệm trong lĩnh vực cung cấp hạ tầng phần cứng cho các ngân hàng, tổ chức tín dụng... 2. Có ít nhất 02 hợp đồng tương tự (bản sao y công chứng) cung cấp hệ thống máy chủ, thiết bị lưu trữ SAN được triển khai trên nền tảng giải pháp ảo hóa (phần cứng hoặc phần mềm) trong 05 năm gần nhất giá trị hợp đồng không thấp hơn giá trị chào thầu. 3. Bản sao y công chứng giấy phép bán hàng hoặc chứng nhận là đại lý bán hàng hoặc cam kết hỗ trợ bán hàng và bảo hành của nhà sản xuất cho đơn vị cung cấp; 4. Có tối thiểu 04 chuyên gia là nhân sự đã và đang làm việc tại đơn vị kèm theo hợp đồng lao động, chứng từ đóng bảo hiểm trong 3 tháng gần nhất, chứng chỉ liên quan cụ thể: Tối thiểu 01 chuyên gia về triển khai máy chủ, 01 chuyên gia về triển khai thiết bị lưu trữ SAN, 01 chuyên gia về triển khai hệ thống HCI sử dụng giải pháp ảo hóa Nutanix AHV hoặc giải pháp tương đương, 01 chuyên gia về triển khai cơ sở dữ liệu: - o Kinh nghiệm: đã triển khai dự án tương tự tại vị trí đảm nhiệm trong dự án này. - o Chứng chỉ triển khai máy chủ: có 01 trong các chứng chỉ sau tương ứng với từng hãng: ▪ IBM: IBM Certified Technical Sales Specialist-Power Systems ▪ HPE: - HPE Accredited Technical Professional Server Solutions V3 - HPE Accredited Solutions Expert Server Solutions Architect V3 ▪ Fujitsu: PRIMERGY - Installation and maintenance training ▪ Dell-EMC: Dell Certified Systems Expert Associate Server Certification V9.0 - o Chứng chỉ triển khai thiết bị lưu trữ SAN: có 01 trong các chứng chỉ sau tương ứng với từng hãng: ▪ IBM: - IBM Certified Specialist Storage Technical v2 - IBM Flash Storage Fundamentals & IBM Flash System V9000 Storage Implementation ▪ HPE: - HPE Accredited Solutions Expert Storage Solutions Architect V3 - HPE Accredited Technical Professional Storage Solutions V3 ▪ Fujitsu: ETERNUS - Installation and maintenance training ▪ Dell- EMC: Associate Information Storage and Management Version 3.0 - o Chứng chỉ triển khai HCI Nutanix hoặc các chứng chỉ tương đương: ▪ Nutanix Certified Professional – Multicloud Infrastructure 5.x - o Chứng chỉ triển khai cơ sở dữ liệu: có 01 trong các chứng chỉ sau: ▪ SAP HANA SAP Certified Technology Associate - SAP HANA 2.0

Điều	Khoản	Nội dung
		Oracle Database 12c Administrator Certified Professional 5. Nhà thầu phải có trụ sở chính hoặc chi nhánh ở Hà Nội để hỗ trợ kỹ thuật. 6. Thời gian giao hàng: 06 - 08 tuần kể từ ngày ký hợp đồng. <u>*Năng lực tài chính</u> 7. Báo cáo tình hình tài chính có xác nhận của cơ quan kiểm toán (độc lập hoặc nội bộ) trong 02 năm gần đây nhất, doanh thu bình quân đạt tối thiểu 30 tỷ đồng/năm và phải có lãi; 8. Bảo đảm dự thầu theo quy định;
15	1	Nội dung yêu cầu về bảo đảm dự thầu: Nhà thầu phải nộp kèm theo HSDT bảo lãnh dự thầu có giá trị là 200.000.000 VND (Hai trăm triệu đồng chẵn). Hiệu lực bảo lãnh: 90 ngày kể từ thời điểm đóng thầu theo quy định Hình thức bảo lãnh: Phát hành thư bảo lãnh hoặc nộp tiền mặt - Trường hợp phát hành thư bảo lãnh: Thư bảo lãnh của một Ngân hàng đang hoạt động tại Việt Nam. - Nộp tiền mặt ký quỹ bảo lãnh dự thầu tại Ngân hàng TMCP Sài Gòn – Hà Nội, thông tin tài khoản như sau: Tên tài khoản: Ngân hàng TMCP Sài Gòn Hà Nội Số tài khoản: 1012968485 Nội dung nộp tiền: Công ty(ghi rõ tên công ty).... nộp tiền bảo lãnh dự thầu gói thầu Trang bị phần cứng và bản quyền phần mềm phục vụ giải pháp Quản lý quan hệ khách hàng. - Bảo lãnh dự thầu của nhà thầu trúng thầu sẽ hết hiệu lực khi nhà thầu ký hợp đồng.
	2	Thời gian hoàn trả bảo đảm dự thầu cho nhà thầu không trúng thầu: Trong vòng 30 ngày kể từ ngày thông báo kết quả đấu thầu.
	3	Nội dung yêu cầu đối với bảo đảm thực hiện Hợp đồng: - Thời hạn nộp bảo đảm thực hiện Hợp đồng: theo kết quả thương thảo, thống nhất giữa hai Bên. - Hình thức bảo đảm thực hiện Hợp đồng: bằng Thư bảo đảm của một Ngân hàng hợp pháp tại Việt Nam. - Giá trị bảo đảm thực hiện hợp đồng: 10% giá trị Hợp đồng. - Hiệu lực của bảo đảm thực hiện Hợp đồng: tối thiểu 120 ngày kể từ khi phát hành. Trong quá trình thực hiện Hợp đồng, nếu nhà thầu muốn gia hạn thời gian thực hiện Hợp đồng thì phải gia hạn thời gian bảo lãnh tương ứng hoặc khi SHB yêu cầu gia hạn nhà thầu phải cam kết thực hiện theo đúng yêu cầu.
16	1	Thời gian có hiệu lực của HSDT là 60 ngày kể từ thời điểm đóng thầu.

Điều	Khoản	Nội dung
17	1	- Nhà thầu phải cung cấp 01 bản hồ sơ gốc, 02 bản sao có ghi rõ “Hồ sơ bản gốc” hay “Hồ sơ bản sao”. Bản gốc phải được ký nháy ở tất cả các trang bởi người đại diện có thẩm quyền của Nhà thầu; - Trong trường hợp có mâu thuẫn giữa bản gốc và bản sao, bản gốc có giá trị quyết định.
18	1	Cách trình bày các thông tin trên túi đựng HSDT: Tên, địa chỉ, số điện thoại liên hệ của nhà thầu Tên, địa chỉ bên mời thầu: Ngân hàng TMCP Sài Gòn – Hà Nội (SHB) Địa chỉ Trụ sở: Số 77 Phố Trần Hưng Đạo, Phường Trần Hưng Đạo, Quận Hoàn Kiếm, Thành Phố Hà Nội. Tên gói thầu: “Trang bị phần cứng và bản quyền phần mềm phục vụ giải pháp Quản lý quan hệ khách hàng” (Trường hợp sửa đổi HSDT, ngoài các nội dung nêu trên còn phải ghi thêm dòng chữ "Hồ sơ dự thầu sửa đổi")
19	1	HSDT được gửi đến SHB không muộn hơn 15h, ngày 21 tháng 04 năm 2021. Hồ sơ nhận sau thời hạn quy định sẽ không được mở, bị loại và gửi trả nguyên vẹn cho Nhà thầu.
20	1	Việc mở thầu sẽ được tiến hành công khai vào lúc 15h15, ngày 21 tháng 04 năm 2021.

CHƯƠNG III

TIÊU CHUẨN ĐÁNH GIÁ

VÀ NỘI DUNG XÁC ĐỊNH GIÁ ĐỀ NGHỊ TRÚNG THẦU

<u>Bảng tiêu chuẩn đánh giá số 1</u> TIÊU CHUẨN ĐÁNH GIÁ TÍNH HỢP LỆ CỦA HỒ SƠ DỰ THẦU			
Hồ sơ dự thầu của nhà thầu sẽ bị loại, không xem xét tiếp nếu có 1 trong các nội dung sau đây không đáp ứng:			
TT	Nội dung	Đáp ứng	Không đáp ứng
1	Tính hợp lệ của đơn dự thầu theo quy định tại Điều 11, chương I, phần I.		
2	Tính hợp lệ của thỏa thuận liên danh theo quy định tại Khoản 2 Điều 3 (nếu có); chương I, phần I.		
3	Tư cách hợp lệ của nhà thầu theo khoản 1 Điều 8 – BDL, chương II		
4	Tính hợp lệ, sự đáp ứng của hàng hóa nêu tại Điều 4, chương I, phần I.		
5	Có đủ 01 bản gốc và 02 bản chụp HSDT, 01 USB dữ liệu		
6	Bảo đảm dự thầu theo quy định		
7	Biểu giá chào theo quy định (đủ số lượng, giá chào bao gồm cả thuế, ...)		
8	Đồng tiền dự thầu phải là tiền Việt Nam Đồng		

Bảng tiêu chuẩn đánh giá số 2

TIÊU CHUẨN ĐÁNH GIÁ VỀ NĂNG LỰC, KINH NGHIỆM

*** Nhà thầu được đánh giá đạt yêu cầu về năng lực kinh nghiệm khi tất cả các nội dung dưới đây được đánh giá đạt:**

STT	Nội dung	Mức yêu cầu tối thiểu để được đánh giá là đáp ứng (đạt)
1	Kinh nghiệm	
	a) Số lượng các hợp đồng tương tự đã thực hiện với tư cách là nhà thầu chính hoặc một thành viên của liên danh trong 05 năm gần nhất	Có ít nhất 02 hợp đồng tương tự (bản sao y công chứng) cung cấp hệ thống máy chủ, thiết bị lưu trữ SAN được triển khai trên nền tảng giải pháp ảo hóa (phần cứng hoặc phần mềm) trong 05 năm gần nhất giá trị hợp đồng không thấp hơn giá trị chào thầu
	b) Số năm kinh nghiệm trong lĩnh vực cung cấp hạ tầng thiết bị CNTT cho các ngân hàng, tổ chức tín dụng	Tối thiểu 05 năm. Trong trường hợp liên danh, từng nhà thầu cũng phải đáp ứng yêu cầu trên.
2	Năng lực cung cấp, triển khai	
	a) Có mối quan hệ với nhà sản xuất hoặc nhà phân phối.	Có Bản sao y công chứng giấy phép bán hàng hoặc chứng nhận là đại lý bán hàng hoặc cam kết hỗ trợ bán hàng và bảo hành của nhà sản xuất cho đơn vị cung cấp
	b) Cán bộ triển khai (tối thiểu 4 chuyên gia đã và đang làm việc tại đơn vị kèm theo hợp đồng lao động, chứng từ đóng bảo hiểm trong 3 tháng gần nhất)	Tối thiểu 01 chuyên gia về triển khai máy chủ, 01 chuyên gia về triển khai thiết bị lưu trữ SAN, 01 chuyên gia về triển khai hệ thống HCI sử dụng giải pháp ảo hóa Nutanix AHV hoặc giải pháp tương đương, 01 chuyên gia về triển khai cơ sở dữ liệu: - o Kinh nghiệm: đã triển khai dự án tương tự tại vị trí đảm nhiệm trong dự án này. - o Chứng chỉ triển khai máy chủ: có 01 trong các chứng chỉ sau tương ứng với từng hãng: ▪ IBM: IBM Certified Technical Sales Specialist-Power Systems

	▪ HPE: HPE Accredited Technical Professional Server Solutions V3 HPE Accredited Solutions Expert Server Solutions Architect V3 ▪ Fujitsu: PRIMERGY - Installation and maintenance training ▪ Dell-EMC: Dell Certified Systems Expert Associate Server Certification V9.0 - o Chúng chỉ triển khai thiết bị lưu trữ SAN: có 01 trong các chứng chỉ sau tương ứng với từng hãng: ▪ IBM: IBM Certified Specialist Storage Technical v2 IBM Flash Storage Fundamentals & IBM Flash System V9000 Storage Implementation ▪ HPE: HPE Accredited Solutions Expert Storage Solutions Architect V3 HPE Accredited Technical Professional Storage Solutions V3 ▪ Fujitsu: ETERNUS - Installation and maintenance training ▪ Dell- EMC: Associate Information Storage and Management Version 3.0 - o Chúng chỉ triển khai HCI Nutanix hoặc các chứng chỉ tương đương: ▪ Nutanix Certified Professional – Multicloud Infrastructure 5.x - o Chúng chỉ triển khai cơ sở dữ liệu: có 01 trong các chứng chỉ sau: ▪ SAP HANA SAP Certified Technology Associate - SAP HANA 2.0 ▪ Oracle Database 12c Administrator Certified Professional
c) Hỗ trợ kỹ thuật	Cung cấp dịch vụ hỗ trợ kỹ thuật 24x7x4 theo tiêu chuẩn chính hãng đối với các trang thiết bị phần cứng do nhà thầu cung cấp, với các yêu cầu: - Hỗ trợ kỹ thuật chính hãng 24 giờ/ngày và

		07 ngày/tuần; - Thời gian đáp ứng: 02 giờ kể từ thời điểm nhận được thông báo có sự cố (có mặt tại nơi thông báo có sự cố, bắt đầu thực hiện hành động khắc phục); - Thời gian đưa ra phương án khắc phục sự cố tối đa: 04 giờ kể từ thời điểm nhận được thông báo có sự cố, nhà thầu phải đưa ra phương án khắc phục sự cố để ngân hàng có thể hoạt động nghiệp vụ bình thường.
	d) Thời gian giao hàng	06 - 08 tuần kể từ ngày ký Hợp đồng
3	Năng lực tài chính	
	a) Báo cáo tình hình tài chính (sao y công chứng) có xác nhận của cơ quan kiểm toán độc lập trong 02 năm gần nhất.	Trong 02 năm gần đây nhất, doanh thu bình quân đạt tối thiểu 30 tỷ đồng/năm và phải có lãi;
	b) Tuân thủ các điều kiện thanh toán	Đáp ứng điều kiện thanh toán tại mục IV, chương VII, Phần III HSMT
	c) Bảo lãnh dự thầu	Có bảo lãnh dự thầu
	Kết luận	Đạt/Không đạt

Bảng tiêu chuẩn đánh giá số 3
TIÊU CHUẨN ĐÁNH GIÁ KỸ THUẬT

STT	NỘI DUNG YÊU CẦU	TIÊU CHÍ ĐÁNH GIÁ	KẾT QUẢ ĐÁNH GIÁ	GHI CHÚ
CÁC YÊU CẦU VỀ KỸ THUẬT				
I	YÊU CẦU VỀ THIẾT BỊ			
1	Đáp ứng về mặt cấu hình kỹ thuật của các thiết bị phần cứng và bản quyền phần mềm theo yêu cầu của HSMT	Đáp ứng/ Không đáp ứng		
2	Các thiết bị phải là chính hãng và nhập khẩu chính ngạch	Đáp ứng/ Không đáp ứng		
3	Các thiết bị phải đảm bảo mới 100%, chưa qua sử dụng, nguyên đai, nguyên kiện, được đóng gói theo tiêu chuẩn của Nhà sản xuất	Đáp ứng/ Không đáp ứng		
4	Thiết bị cung cấp phải được sản xuất trong năm 2020 và không thuộc danh mục ngừng sản xuất của hãng sản xuất trong thời gian ít nhất 05 năm kể từ ngày chào giá và ngừng hỗ trợ dịch vụ kỹ thuật trong vòng ít nhất 08 năm (<i>có kèm theo tài liệu chứng minh của hãng hoặc thư xác nhận của hãng</i>)	Đáp ứng/ Không đáp ứng		
5	Xuất xứ hàng hóa: Singapore, Malaysia, Mỹ, Nhật Bản, G7, các nước châu Âu và khu vực Trung Đông	Đáp ứng/ Không đáp ứng		

6	Các thiết bị phải có giấy chứng nhận chất lượng sản phẩm (CQ) cấp cho SHB, chứng nhận xuất xứ hàng hóa (CO) kèm theo: Part Number, Serial Number, phiếu bảo hành, phụ kiện, tài liệu hướng dẫn hoặc đĩa cài đặt (nếu có) và các giấy tờ khác liên quan của chính hãng theo cấu hình cung cấp	Đáp ứng/ Không đáp ứng		
7	Nhà thầu có trách nhiệm giao hàng và triển khai lắp đặt theo đúng địa điểm yêu cầu của SHB;	Đáp ứng/ Không đáp ứng		
8	Nhà thầu có trách nhiệm cung cấp cho SHB các biên bản: Biên bản nghiệm thu, Biên bản thanh lý hợp đồng, hoá đơn tài chính hợp lệ, giấy chứng nhận xuất xứ hàng hóa (CO), giấy chứng nhận chất lượng hàng hóa (C/Q), phiếu bảo hành thiết bị...;	Đáp ứng/ Không đáp ứng		
9	Thư hỗ trợ của chính hãng đối với thiết bị cung cấp trong phạm vi Hồ sơ mời thầu này	Đáp ứng/ Không đáp ứng		
II	Đào tạo và chuyển giao	Đáp ứng/ Không đáp ứng		
III	Kiểm tra, bàn giao và nghiệm thu	Đáp ứng/ Không đáp ứng		
IV	Bảo hành, hỗ trợ kỹ thuật và bảo trì	Đáp ứng/ Không đáp ứng		

Bảng tiêu chuẩn đánh giá số 4

XÁC ĐỊNH GIÁ ĐÁNH GIÁ

Stt	Nội dung	Căn cứ xác định
1	Xác định giá dự thầu	Theo Điều 12 Chương I
2	Sửa lỗi	Theo Điều 27 Chương I
3	Hiệu chỉnh các sai lệch	Theo Điều 28 Chương I
4	Giá trị giảm giá (nếu có)	Theo thư giảm giá của nhà thầu
5	Giá dự thầu sau sửa lỗi, hiệu chỉnh sai lệch và giảm giá	Tổng của giá trị các nội dung (1)+(2)+(3)+(4)
6	Chuyển đổi giá dự thầu sang một đồng tiền chung (nếu có)	Không áp dụng (Nhà thầu phải chào bằng tiền Việt Nam đồng)
7	Giá đánh giá	Giá trị nội dung mục 5

PHẦN II YÊU CẦU VỀ CUNG CẤP

CHƯƠNG IV YÊU CẦU VỀ PHẠM VI CUNG CẤP

I. MỤC TIÊU, PHẠM VI GÓI THẦU

Với mục tiêu mở rộng hoạt động một cách an toàn, minh bạch, vững chắc về tài chính, áp dụng công nghệ thông tin hiện đại, cung cấp các dịch vụ và tiện ích thuận lợi, đa dạng nhằm nâng cao năng lực cạnh tranh và thích ứng nhanh chóng với quá trình hội nhập kinh tế quốc tế, trong năm 2020 SHB đã đầu tư trang bị mua sắm phần mềm quản lý quan hệ khách hàng CRM của hãng SAP do Công ty cổ phần thiết bị và truyền thông NGS là đơn vị triển khai nhằm giúp SHB quản lý thông tin khách hàng và hoạt động kinh doanh bán hàng.

Để phục vụ cho công tác triển khai giải pháp CRM môi trường Production tại Trung tâm Dữ liệu (TTDL) chính trong năm 2021, SHB sẽ tiến hành trang bị mới Hệ thống Công nghệ thông tin bao gồm hạ tầng phần cứng và các bản quyền phần mềm nhằm đáp ứng các yêu cầu của giải pháp phần mềm này.

1. Mục tiêu của gói thầu

Mục tiêu của gói thầu này nhằm lựa chọn nhà thầu có đầy đủ năng lực để thực hiện các công việc thuộc gói thầu, cụ thể như sau:

1. Cung cấp các thiết bị phần cứng và bản quyền phần mềm nhằm đáp ứng đúng và đầy đủ các yêu cầu cài đặt hệ thống.
2. Triển khai lắp đặt, cài đặt, cấu hình, thiết lập tham số, tinh chỉnh các thiết bị phần cứng do nhà thầu cung cấp.
3. Hỗ trợ đơn vị triển khai phần mềm giải pháp CRM đã được SHB lựa chọn (NGS) trong quá trình tích hợp các trang thiết bị phần cứng do nhà thầu cung cấp thành hệ thống CRM môi trường Production hoàn chỉnh đặt tại TTDL chính của SHB.
4. Cung cấp dịch vụ bảo hành, bảo trì cho các trang thiết bị phần cứng và phần mềm do nhà thầu cung cấp.
5. Cung cấp dịch vụ hỗ trợ kỹ thuật 24x7x4 đối với các trang thiết bị phần cứng và phần mềm do nhà thầu cung cấp, với các yêu cầu:
 - Thời gian hỗ trợ kỹ thuật: 24 giờ/ngày và 7 ngày/tuần;
 - Thời gian đáp ứng: trong vòng 02 giờ kể từ thời điểm nhận được thông báo có sự cố, nhà thầu phải cử cán bộ kỹ thuật có mặt tại nơi phát sinh sự cố để thực hiện khắc phục;

- Thời gian đưa ra phương án khắc phục sự cố tối đa 04 giờ kể từ thời điểm nhận được thông báo có sự cố.
- 6. Đào tạo, chuyển giao công nghệ cho các cán bộ của SHB để quản trị, vận hành hệ thống trang thiết bị do nhà thầu cung cấp.

2. Phạm vi của gói thầu

Nhà thầu cần thực hiện đầy đủ các công việc sau:

- Cung cấp, vận chuyển (bao gồm các thủ tục hải quan/thuế liên quan tới việc nhập khẩu hàng hóa), bàn giao, lắp đặt, triển khai, tích hợp các thành phần phần cứng, phần mềm cung cấp trong gói thầu, đáp ứng các yêu cầu của SHB được nêu trong HSMT;
- Triển khai hệ thống tại TTDL chính của SHB tại Hà Nội;
- Cung cấp dịch vụ bảo hành, bảo trì và hỗ trợ kỹ thuật;
- Cung cấp dịch vụ đào tạo và chuyển giao công nghệ cho các cán bộ của SHB để SHB có thể quản trị, cài đặt, cấu hình và vận hành hệ thống;
- Bàn giao đầy đủ Bản quyền, bộ đĩa, tài liệu đi kèm sản phẩm, tài liệu kỹ thuật, hướng dẫn sử dụng.

Bảng dưới đây liệt kê phạm vi cung cấp hàng hóa và dịch vụ:

STT	Danh mục hàng hóa	Đơn vị	SL	Mô tả	Ghi chú
A	THIẾT BỊ PHẦN CỨNG VÀ BẢN QUYỀN PHẦN MỀM				
1	Toàn bộ máy chủ và thiết bị lưu trữ đáp ứng yêu cầu kỹ thuật tại mục I.3.1, chương VI, Phần II	Bộ	01		
2	Hệ thống HCI + License Nutanix AHV (hoặc license giải pháp tương đương) đáp ứng yêu cầu kỹ thuật tại mục I.3.2, chương VI, Phần II	Bộ	01		
3	RedHat Enterprise Linux for SAP Solutions (hoặc SUSE Linux Enterprise Server for SAP Applications)	Subscription	10		
B	DỊCH VỤ				
1	Lắp đặt hệ thống phần cứng	Trọn gói	1		
2	Cài đặt các phần mềm đi kèm thiết bị	Trọn gói	1		

STT	Danh mục hàng hóa	Đơn vị	SL	Mô tả	Ghi chú
3	Triển khai cài đặt, cấu hình máy chủ, thiết bị lưu trữ và hệ thống HCI	Trọn gói	1		
4	Đào tạo và chuyển giao công nghệ	Trọn gói			
5	Bảo hành và hỗ trợ kỹ thuật	Năm	3		

CHƯƠNG V

TIẾN ĐỘ CUNG CẤP

STT	Nội dung	Tiến độ	Địa điểm cung cấp
1	Bàn giao toàn bộ các thiết bị phần cứng và phần mềm liệt kê trong Chương IV – Phạm vi cung cấp.	Tối đa 06 - 08 tuần kể từ ngày ký hợp đồng.	TTDL chính của SHB tại Hà Nội
2	Lắp đặt và cấu hình các thiết bị phần cứng. Cài đặt hệ điều hành, các phần mềm trong phạm vi gói thầu. Tích hợp các cấu phần của hệ thống.	Tối đa 10 tuần kể từ ngày ký hợp đồng.	TTDL chính của SHB tại Hà Nội
3	Chuyển giao công nghệ và đào tạo	Tối đa 20 tuần kể từ ngày ký hợp đồng.	

CHƯƠNG VI

YÊU CẦU VỀ KỸ THUẬT

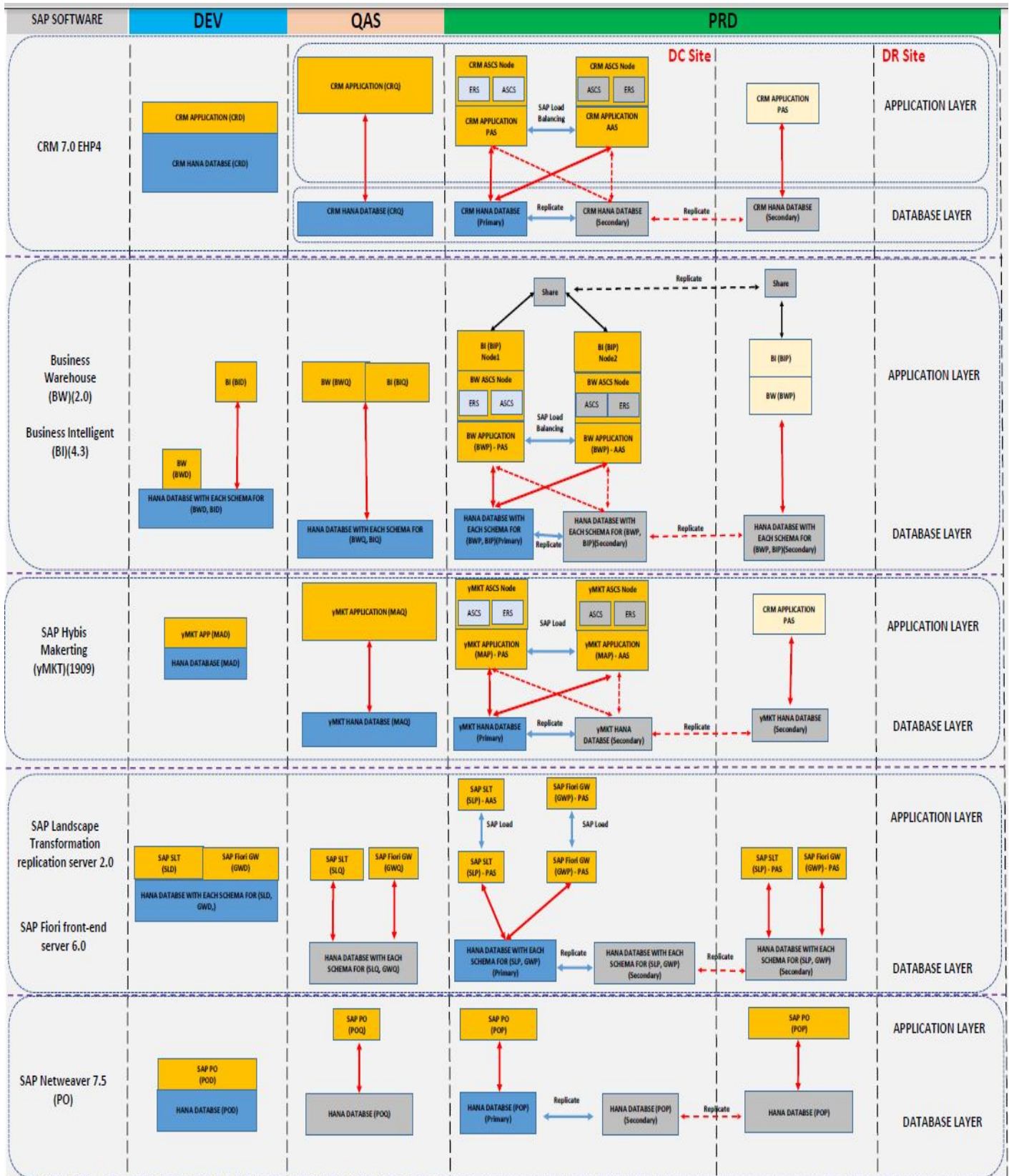
I. YÊU CẦU KỸ THUẬT

1. Các yêu cầu chung

- Các thiết bị phải là chính hãng và nhập khẩu chính ngạch;
- Các thiết bị là đồng bộ, đảm bảo là hàng mới 100% và chưa qua sử dụng;
- Thiết bị cung cấp phải được sản xuất trong năm 2020 và không thuộc danh mục ngừng sản xuất của hãng sản xuất trong thời gian ít nhất 05 năm kể từ ngày chào giá và ngừng hỗ trợ dịch vụ kỹ thuật trong vòng ít nhất 08 năm (có kèm theo tài liệu chứng minh của hãng hoặc thư xác nhận của hãng);
- Xuất xứ hàng hóa: Singapore, Malaysia, Mỹ, Nhật Bản, G7, các nước châu Âu và khu vực Trung Đông;
- Tất cả các thiết bị phần cứng được cung cấp trong phạm vi gói thầu này phải là sản phẩm của hãng IBM, HP, Fujitsu, Dell-EMC;
- Các thiết bị phải có giấy chứng nhận chất lượng sản phẩm (CQ), chứng nhận xuất xứ hàng hóa (CO) kèm theo : Serial Number, Phiếu bảo hành...của chính hãng;
- Các thiết bị và bản quyền phần mềm cung cấp theo gói thầu phải đảm bảo thời gian bảo hành 36 tháng;
- Nhà thầu có trách nhiệm giao hàng và triển khai lắp đặt theo đúng địa điểm yêu cầu của SHB, kèm theo đầy đủ tài liệu hướng dẫn và đĩa cài đặt (nếu có);
- Nhà thầu có trách nhiệm cung cấp cho SHB các biên bản: Biên bản nghiệm thu, Biên bản thanh lý hợp đồng, hoá đơn tài chính hợp lệ, giấy chứng nhận xuất xứ hàng hóa (CO), giấy chứng nhận chất lượng hàng hóa (C/Q), phiếu bảo hành thiết bị...;
- Thư hỗ trợ của chính hãng đối với thiết bị cung cấp trong phạm vi Hồ sơ mời thầu này;
- ***Các thiết bị phần cứng phải được xác nhận hỗ trợ bởi hãng SAP với các chỉ số SAPS tương ứng cho từng loại máy chủ được chào trong HSDT này.***

2. Kiến trúc hệ thống

Hình vẽ sau mô tả kiến trúc logic hệ thống CRM môi trường Production được triển khai tại TTDL chính của SHB:



Theo mô hình kiến trúc này, hệ thống CRM triển khai tại SHB bao gồm 05 phân hệ chính: phân hệ Sale (phục vụ công tác bán hàng cho CB kinh doanh), phân hệ Marketing (phục vụ công tác quảng cáo và tiếp thị), phân hệ Service (phục vụ công tác chăm sóc khách hàng), phân hệ báo cáo, phân hệ tích hợp (phục vụ tích hợp với các hệ thống CNTT khác như: CoreBank, Thẻ, Ebanking,...). Mỗi phân hệ bao gồm các máy chủ ứng dụng (App), máy chủ Cơ sở dữ liệu (DB) và thiết bị lưu trữ dữ liệu (Storage).

- Hệ thống CRM được chia thành 04 môi trường với vai trò cụ thể như sau:
 - o Môi trường Production tại DC (TTDL chính):
 - o Môi trường DR (TTDL dự phòng): nhằm đáp ứng các yêu cầu về tính hoạt động liên tục của các hệ thống CNTT trọng yếu (BCP) khi môi trường Production tại DC gặp sự cố;
 - o Môi trường QAS: phục vụ công tác kiểm thử ứng dụng trước khi triển khai trên môi trường Production;
 - o Môi trường DEV: phục vụ công tác phát triển ứng dụng.

Gói thầu này nhằm mục đích trang bị hạ tầng phần cứng và các bản quyền phần mềm để xây dựng môi trường Production tại TTDL chính của SHB.

3. Các yêu cầu về kỹ thuật đối với các thiết bị phần cứng và phần mềm

Các yêu cầu thông số kỹ thuật tối thiểu đối với hàng hóa chào thầu được nêu trong bảng dưới đây:

3.1. Trang bị máy chủ vật lý và thiết bị lưu trữ cho hệ thống máy chủ CSDL HANA

Bảng sau liệt kê tài nguyên tối thiểu cần có để cài đặt hệ thống CSDL HANA cho hệ thống CRM:

STT	Server	Chức năng	CPU (SAPS)	RAM (GB)	Flash Storage (GB)	OS
1	DB1	Máy chủ CSDL CRM (primary)	80,500	1,360	6,900	RHEL 8.1 (hoặc SUSE Linux Enterprise Server for SAP Applications 12 SP5)
2	DB2	Máy chủ CSDL BW,BI (primary)	96,600	1,662	8,410	
3	DB3	Máy chủ CSDL MKT (primary)	18,000	140	892	
4	DB4	Máy chủ CSDL Fiori,SLT (primary)	26,000	128	740	
5	DB5	Máy chủ CSDL PO (primary)	18,000	128	740	
6	DB6	Máy chủ CSDL CRM (secondary)	80,500	1,360	6,900	
7	DB7	Máy chủ CSDL BW,BI (secondary)	96,600	1,662	8,410	

8	DB8	Máy chủ CSDL MKT (secondary)	18,000	140	892	
9	DB9	Máy chủ CSDL Fiori,SLT (secondary)	26,000	128	740	
10	DB10	Máy chủ CSDL PO (secondary)	18,000	128	740	

Theo đó tổng cộng hạ tầng phần cứng tối thiểu bao gồm máy chủ + thiết bị lưu trữ phục vụ cho hệ thống CSDL CRM được mô tả trong bảng sau:

Thiết bị	CPU (SAPS)	RAM (GB)	Dung lượng lưu trữ Flash khả dụng yêu cầu (GB)
Server	478,200	6,836	N/A
SAN	N/A	N/A	35,364

Dưới đây là các yêu cầu kỹ thuật đối với hệ thống máy chủ + thiết bị lưu trữ phục vụ cho hệ thống CSDL CRM:

- Trang bị 02 máy chủ vật lý + thiết bị lưu trữ (01x SAN All Flash + 02 x SAN Switch (nếu có)) với cấu hình tối thiểu đáp ứng yêu cầu được mô tả trong bảng trên và các yêu cầu cụ thể sau:
 - o Máy chủ:
 - Ổ cứng: 02 x 1.2TB SAS 10K HDD
 - Cổng Ethernet: 08 cổng Ethernet chuẩn 10Gb SFP+ SR
 - Cổng FC: 08 cổng FC tốc độ 32Gbps
 - Nguồn: 02 nguồn
 - o Thiết bị lưu trữ:
 - All Flash Storage - có chứng nhận từ SAP cho việc chạy ứng dụng Hana
 - Độ sẵn sàng: 99.9999% (six-nines)
 - Hiệu năng (xác định bằng công cụ sizing chính hãng): $\geq 70K$ IOPs (8K Random Mixed 50/50) & $\geq 3.0GB/s$ (256K Seq Read)
 - Cổng kết nối: tối thiểu 02 cổng 10Gb Base-T+ 04 cổng 32Gb FC
 - o Thiết bị SAN Switch:
 - Số cổng sẵn có: 24 cổng tốc độ 32Gbp - 16 cổng Active. 08 cổng còn lại có thể Active bằng cách bổ sung License
 - Module: 16 Module Transiver FC chuẩn Short Wave tốc độ 32Gbps;
 - Cable: 16 x LC/LC Multi-mode OM4 2 fiber 15m Cable

- Nhà thầu sử dụng các giải pháp ảo hóa mức phần cứng hoặc phần mềm đảm bảo triển khai 10 máy chủ CSDL trên 02 máy chủ vật lý đáp ứng yêu cầu tối thiểu về phần cứng bao gồm CPU/RAM/Storage được nêu ở trên, yêu cầu về tính sẵn sàng của hệ thống;
- Nhà thầu phải mô tả giải pháp được triển khai tại SHB trong HSDT nhằm đáp ứng các yêu cầu nêu trên của hệ thống máy chủ CSDL HANA – hệ thống CRM;
- Nhà thầu phải cung cấp tài liệu và các giấy tờ khác liên quan có sự xác nhận của hãng cung cấp thiết bị phần cứng về khả năng nâng cấp thiết bị (bổ sung thêm các thiết bị phần cứng trên thiết bị sẵn có của SHB) trong thời gian 08 năm kể từ ngày chào hàng:
 - o Với hệ thống máy chủ: có khả năng nâng cấp tối thiểu CPU/RAM lên 04 lần;
 - o Với thiết bị lưu trữ: có khả năng nâng cấp tối thiểu không gian lưu trữ lên 10 lần.

3.2. Trang bị giải pháp HCI (các máy chủ vật lý sử dụng giải pháp ảo hóa Nutanix AHV hoặc giải pháp tương đương) cho hệ thống máy chủ ứng dụng

Bảng sau liệt kê tài nguyên tối thiểu cần có để cài đặt hệ thống máy chủ ứng dụng cho hệ thống CRM:

STT	Server	Chức năng	CPU (SAPS)	RAM (GB)	Storage (GB)	OS
1	App1	Máy chủ ứng dụng CRM (primary)	65,000	128	256	RHEL 8.1 (hoặc SUSE Linux Enterprise Server for SAP Applications 12 SP5)
2	App2	Máy chủ ứng dụng MKT (primary)	13,500	48	256	
3	App3	Máy chủ ứng dụng BW,BI (primary)	64,000	128	256	
4	App4	Máy chủ ứng dụng SLT (primary)	16,500	64	256	
5	App5	Máy chủ ứng dụng PO	8,000	48	500	
6	App6	Máy chủ ứng dụng Fiori (primary)	12,500	24	256	
7	App7	Máy chủ ứng dụng CRM (secondary)	65,000	128	256	
8	App8	Máy chủ ứng dụng MKT (secondary)	13,500	48	256	
9	App9	Máy chủ ứng dụng BW,BI (secondary)	64,000	128	256	
10	App10	Máy chủ ứng dụng SLT (secondary)	16,500	64	256	
11	App11	Máy chủ ứng dụng Fiori (secondary)	12,500	24	256	

12	App12	Máy chủ ứng dụng Solution Manager	24,000	96	500	
13	App13	Máy chủ ứng dụng SAP Router	8,000	8	256	Windows Server 2016

Theo đó tổng cộng hạ tầng phần cứng tối thiểu bao gồm máy chủ + thiết bị lưu trữ phục vụ cho hệ thống máy chủ ứng dụng CRM được mô tả trong bảng sau:

Thiết bị	CPU (SAPS)	RAM (GB)	Dung lượng lưu trữ khả dụng yêu cầu cấu hình RF3 (GB)
Server	383,000	936	3,816

Dưới đây là các yêu cầu kỹ thuật đối với thiết bị máy chủ phục vụ cho hệ thống máy chủ ứng dụng CRM:

- Trang bị giải pháp HCI sử dụng nền tảng giải pháp ảo hóa Nutanix AHV (hoặc giải pháp tương đương) để triển khai 13 máy chủ ứng dụng của hệ thống CRM được mô tả ở bảng trên bao gồm các máy chủ vật lý + license Nutanix AHV (hoặc license giải pháp tương đương) đáp ứng đủ cho số lượng Core và số lượng TB dung lượng lưu trữ sử dụng ổ cứng SSD của HCI;
- Nhà thầu phải cung cấp tài liệu và các giấy tờ khác liên quan có sự xác nhận của hãng cung cấp thiết bị phần cứng về khả năng mở rộng kiến trúc HCI bằng việc bổ sung thêm các node vào kiến trúc HCI hiện tại của SHB tối thiểu lên 04 lần trong thời gian 08 năm kể từ ngày chào hàng;
- Các yêu cầu kỹ thuật chi tiết đối với kiến trúc HCI:

TIÊU CHÍ	YÊU CẦU KỸ THUẬT CHI TIẾT
1. Yêu cầu chung	
Số lượng node tối thiểu	04
Cấu hình phần cứng tối thiểu mỗi node để đảm bảo hiệu năng hệ thống	Bộ vi xử lý (CPU) tối thiểu $\geq 2 \times 18\text{Core}$, 2.60 GHz, Cache 24.75 MB
Khả năng mở rộng	Phải cho phép nâng cấp mở rộng không giới hạn node trên một hệ thống cluster
	Phải cho phép mở rộng theo đơn vị từng Node
	Phải cho phép tích hợp Node mới mà không gây gián đoạn hệ thống
	Phải cho phép gỡ bỏ node khỏi cluster mà không gián đoạn hệ thống
	Cho phép nâng cấp các tính năng sẵn có trên hệ thống mà không gây gián đoạn hệ thống

2. Yêu cầu về kiến trúc và tính năng phần mềm

Kiến trúc và tính năng	Công nghệ đề xuất phải dựa trên phần mềm (software-based) để loại bỏ sự phụ thuộc vào phần cứng, cho phép các phần cứng khác biệt nhau (model/ CPU/ Memory/ Disk/...) vẫn có thể hoạt động chung trong một hệ thống. Giải pháp cho phép mở rộng linh hoạt (scale-out, scale-up) và cơ chế mở rộng phải đơn giản, nhanh chóng và không gián đoạn hệ thống.
Kiến trúc và Khả năng phục hồi cơ sở hạ tầng	Giải pháp đề xuất phải dựa trên kiến trúc phục hồi lỗi (Fault Resiliency) để đảm bảo tất cả các VM & IO được tự động chuyển tiếp một cách trong suốt (không gián đoạn) qua node khác trong trường hợp xảy ra lỗi.
	Phải có khả năng nâng cấp mọi thành phần phần mềm/ hypersior/ firmware/ bios ... mà không làm gián đoạn hệ thống
	Kiến trúc cho phép bắt đầu từ 3 node mà vẫn đảm bảo tính sẵn sàng (redundant) trong trường hợp xảy ra lỗi
	Giải pháp phải hỗ trợ các công nghệ nền tảng ảo hóa sau: VMWare vSphere ESXi, Microsoft Hyper-V, Nutanix AHV. Phải tích hợp sẵn bản quyền nền tảng ảo hóa với đầy đủ tính năng và phải cho phép mở rộng không giới hạn số lượng node trong cluster
	Giải pháp phải cho phép kết hợp các loại node có cấu hình khác nhau vào cùng cluster
	Giải pháp phải hỗ trợ đồng thời node All-Flash và Hybrid Flash (Flash + HDD) vào cùng 1 hệ thống cluster
	Node phải hỗ trợ các loại đĩa: SSD, HDD, NVMe
	Giải pháp đề xuất phải xây dựng hệ thống lưu trữ phân bố, dựa trên các đĩa cứng trong (HDD, SSD, flash module, NVMe...) để loại bỏ các yêu cầu lưu trữ truyền thống SAN, NAS
	Giải pháp đề xuất phải sử dụng cơ chế lưu trữ phân tán copy dữ liệu 3- chiều (RF3) để đảm bảo tính sẵn sàng
Tối ưu hóa dung lượng	Các công nghệ tối ưu độ hiệu dụng lưu trữ: Compression, Deduplication, Erasure Coding phải hỗ trợ cho cả node All Flash và Hybdid (SSD+ HDD)
Tăng tốc hiệu suất	Phải hỗ trợ phân loại dữ liệu (Data Tiering) : Liên tục theo dõi việc truy cập dữ liệu và tối ưu hóa vị trí lưu trữ dữ liệu ở SSD hoặc HDD để đạt được kết quả tốt nhất về hiệu suất mà không cần sự can thiệp của quản trị viên.
	Phải hỗ trợ tính năng Data locality để tối ưu hoá hiệu suất hệ thống: Cho phép đảm bảo lưu trữ càng nhiều dữ liệu càng tốt ngay tại Node nơi có máy ảo (VM) đang chạy nhằm giảm sự cần thiết cho tác vụ đọc ghi I/O qua mạng. Giữ dữ liệu cục bộ tối ưu hóa hiệu suất và giảm thiểu tắc nghẽn mạng.
	Cân bằng đĩa tự động (disk balancing) đảm bảo dữ liệu được phân phối đồng đều trên toàn bộ cụm (cluster). Bất kỳ Node nào trong cluster đều có thể sử dụng tài nguyên lưu trữ trên cluster, mà không đòi hỏi phải tốn thời gian và thực hiện thao tác cân bằng thủ công dễ bị lỗi.

	Đĩa flash trong hệ thống có thể được sử dụng vừa là vùng lưu trữ lâu dài, vừa là cache đọc ghi. Phải có cơ chế phân lớp dữ liệu thông giữa SSD cache/ SSD lưu trữ/ HDD Giải pháp có khả năng nâng cấp thêm tính năng gắn/ tháo gỡ (pin/unpin) một VM vào vùng SSD/Flash theo nhu cầu
Tính năng bảo vệ dữ liệu, sao lưu, phục hồi	Phải hỗ trợ storage replication giữa các site/ cluster khác nhau ở mức đồng bộ hoặc bất đồng bộ nhằm đáp ứng các SLA khác nhau.
	Phải có khả năng mở rộng cluster/ pool không giới hạn số lượng node để đảm bảo khả năng mở rộng sau này.
	Giải pháp phải tích hợp sẵn cơ chế snapshot và cho phép thực hiện snapshot một cách tự động
	Trong trường hợp xảy ra lỗi physical node, việc tái tạo dữ liệu & tái lập tính cục bộ dữ liệu phải được bắt đầu ngay lập tức
	Phải trang bị tính năng cấp dạng lưu trữ dạng iSCSI/NFS cho các hệ thống bên ngoài (cho các host physical/ VM khác).
	Phải có khả năng trang bị thêm tính năng cấp phát dạng Object storage
	Giải pháp phải có khả năng nâng cấp hỗ trợ mô hình Hybrid Cloud bằng cách định nghĩa các blueprint (thiết kế ứng dụng) tạo thành các bước để xây dựng một ứng dụng một cách tự động. Các blueprint này cũng có khả năng triển khai on-premise (DC tại chỗ) hoặc trên Public Cloud (như AWS)
	Giải pháp phải có khả năng tận dụng các Public cloud (AWS, Azure) như một đích sao lưu (backup target), cho phép backup từ hệ thống lên cloud
Tính linh hoạt, hỗ trợ từ người dùng và cộng đồng, chất lượng dịch vụ hỗ trợ	Giải pháp phải nằm trong phân khúc Leader theo báo cáo Magic Quadrant của Gartner 2019, 2020 về HCI (hạ tầng siêu hội tụ)
Tính năng bảo mật	Phải có tính năng khóa Cluster (Lockdown) để giới hạn truy cập vào cluster
	Xác thực 2 yếu tố
	Có khả năng hỗ trợ encryption dạng phần cứng (dùng đĩa cứng SED) và phần mềm (tính năng tích hợp trên controller)

	Trong các thành phần của công nghệ lưu trữ định nghĩa bởi phần mềm, Phải cung cấp chi tiết các bộ tiêu chuẩn đánh giá an toàn bảo mật cơ bản (Security Baseline) nhằm đánh giá và khoá các lỗ hổng bảo mật đã được cài đặt , bao gồm: - Tăng cường an toàn bảo mật (Security Hardening) theo Tiêu chuẩn triển khai kỹ thuật các giao thức về an toàn bảo mật (STIG - Security Technical Implementation Guide) - Có tính năng tự động hóa quản lý cấu hình bảo mật (SCMA -Security Configuration Management Automation) - Hỗ trợ Tiêu chuẩn về Giao thức tự động hóa nội dung bảo mật (SCAP - Security Content Automation Protocol): các STIG được viết bằng định dạng dữ liệu XCCDF (eXtensible Configuration Checklist Description Format - Định dạng mở rộng về mô tả danh sách kiểm tra cấu hình) cho phép đọc cấu hình bằng máy nhằm tự động hóa các công cụ đánh giá và loại bỏ việc kiểm tra thủ công tốn thời gian, cho phép các ứng dụng của bên thứ ba dò quét các thiếu sót trong cấu hình hệ thống. XCCDF sử dụng ngôn ngữ XML cho phép xây dựng tài liệu kỹ thuật (human readable)
Quản trị hệ thống	Giải pháp đề xuất phải hỗ trợ quản trị thông qua giao diện HTML5 thay vì phần mềm hay Flash-based
	Phải có sẵn Self Service Portal (SSP) cho user tự cấp phát và quản lý tài nguyên theo dạng tự phục vụ mà không cần phải có sự can thiệp của bộ phận quản trị hệ thống hạ tầng
	Phải có khả năng tự động phát hiện node/ server mới thông qua GUI cũng như tự động mount storage volume vào hypervisor để dễ dàng mở rộng
	Hỗ trợ REST API để tương tác giữa các tính năng trong hệ thống hoặc tương thích với các công cụ bên ngoài tương tác với hệ thống
	Phải hỗ trợ tính năng monitoring hiệu suất và đưa ra những cảnh báo

3.3. Trang bị bản quyền phần mềm

Bảng sau liệt kê danh mục bản quyền phần mềm cần trang bị cho hệ thống CRM:

STT	Bản quyền hệ điều hành	SL
1	RedHat Enterprise Linux for SAP Solutions (hoặc SUSE Linux Enterprise Server for SAP Applications)	10

II. TRIỂN KHAI

1. Các yêu cầu chung

- Hệ thống được triển khai và bàn giao theo phương thức trọn gói. Vì vậy, nhà thầu đóng vai trò tích hợp hệ thống, chủ trì và phối hợp với các hãng sản xuất liên quan tới các sản phẩm trong gói thầu để thực hiện lắp đặt, cài đặt, cấu hình, thiết lập tham số, tinh chỉnh theo đúng kiến trúc hệ thống đảm bảo đáp ứng các yêu cầu;
- Thời gian triển khai: nhà thầu phải thực hiện hoàn thành đúng tiến độ được nêu tại Chương V;
- Việc tiếp nhận, kiểm tra, bàn giao, lắp đặt phục vụ việc cài đặt và thử nghiệm, đóng gói, vận chuyển tới nơi sử dụng, lắp đặt tại nơi sử dụng được tiến hành như sau:

- o Các trang thiết bị nhập khẩu nguyên đai nguyên kiện được chuyển đến SHB được mở ra để kiểm tra danh mục, số lượng, chủng loại, đặc tính kỹ thuật xuất xứ hàng hóa theo hợp đồng;
- o Nhà thầu bàn giao các trang thiết bị, bản quyền sử dụng, tài liệu gốc kèm theo thiết bị, giấy bảo hành;
- o Nhà thầu triển khai việc lắp đặt, cài đặt các thiết bị tại TTDL chính của SHB tại Hà Nội.
- Phương pháp luận triển khai: Nhà thầu phải đề xuất phương pháp luận, quy trình triển khai, kế hoạch triển khai chi tiết trong HSDT;
- Địa điểm triển khai: tại TTDL chính của SHB tại Hà Nội;
- Trong suốt quá trình triển khai phải có sự tham gia của cán bộ SHB;
- Yêu cầu về bảo mật thông tin: cam kết không tiết lộ, sao chép, sử dụng bất cứ thông tin liên quan đến hệ thống thiết bị, cơ sở dữ liệu, dữ liệu, hệ thống ứng dụng và các thông tin khác liên quan đến việc triển khai gói thầu này dưới bất kỳ hình thức nào;
- Đội ngũ nhân sự triển khai: phải đáp ứng các yêu cầu nêu tại Mục VI - Chương VI - Phần II.
- Trước khi cài đặt, nhà thầu phải cung cấp tài liệu thiết kế, tài liệu triển khai cài đặt, cấu hình (bao gồm thứ tự các bước thực hiện, giá trị các tham số cài đặt, chi tiết các tập lệnh), tài liệu kiểm thử hệ thống. Các tài liệu này phải được phê duyệt bởi các kỹ sư triển khai chính hãng.

2. Các yêu cầu cụ thể

2.1. Lắp đặt hệ thống phần cứng

- Lắp đặt tất cả các thiết bị phần cứng được cung cấp trong phạm vi gói thầu này theo tiêu chuẩn, đáp ứng yêu cầu của SHB;
- Xây dựng và cung cấp các tài liệu cài đặt và cấu hình hệ thống.

2.2. Cài đặt các phần mềm đi kèm thiết bị

- Cài đặt hệ điều hành và các bản vá lỗi;
- Tối ưu hóa quá trình cài đặt hệ điều hành: gỡ bỏ các thành phần không cần thiết,
- Cài đặt các phần mềm và công cụ đi kèm máy chủ phục vụ cho việc cấu hình, giám sát, quản trị,...;
- Cung cấp các tài liệu cài đặt và cấu hình hệ thống trước và sau khi thực hiện.

2.3. Cài đặt hệ thống HCI Nutanix (hoặc giải pháp tương đương)

- Xây dựng và cung cấp các tài liệu cài đặt và cấu hình hệ thống;
- Cài đặt, cấu hình hệ thống HCI Nutanix (hoặc giải pháp tương đương).

III. ĐÀO TẠO VÀ CHUYỂN GIAO

1. Các yêu cầu chung

- Nhà thầu phải cung cấp các khoá đào tạo cho các cán bộ của SHB nhằm đáp ứng yêu cầu cần thiết để sử dụng, vận hành và quản trị hệ thống sau này;
- Trong HSDT, nhà thầu phải đề xuất kế hoạch đào tạo, chi phí từng khóa đào tạo (bao gồm cả chi phí ăn ở, đi lại nếu địa điểm đào tạo nằm ngoài phạm vi Hà Nội) trong phạm vi gói thầu này;
- Giảng viên phải là các chuyên gia của chính hãng có bằng cấp chuyên môn và kinh nghiệm phù hợp với lĩnh vực đào tạo liên quan.

2. Đào tạo

2.1. Các khóa đào tạo

Danh sách các khóa đào tạo tối thiểu mà nhà thầu cần đáp ứng được liệt kê dưới đây:

STT	Tên khóa học	Số lượng cán bộ dự kiến
I	Quản trị hệ thống HCI Nutanix (hoặc giải pháp tương đương)	
01	Quản trị hệ thống HCI Nutanix (hoặc giải pháp tương đương)	03

2.2. Kế hoạch đào tạo

Nhà thầu phải đề xuất **Kế hoạch đào tạo** trong HSDT, phù hợp với các giai đoạn triển khai, phạm vi triển khai và các đối tượng tham gia nhằm đảm bảo các yêu cầu chung. **Kế hoạch đào tạo** phải bao gồm các nội dung cơ bản như sau:

- Phương pháp đào tạo;
- Đề cương các khóa đào tạo;
- Lịch trình cho từng khóa đào tạo;
- Số học viên của từng khóa đào tạo.

2.3. Môi trường đào tạo

Nhà thầu phải cung cấp môi trường đào tạo và sử dụng các công cụ đào tạo thích hợp cho chương trình đào tạo đề xuất bao gồm lý thuyết và thực hành, đáp ứng tối thiểu các yêu cầu sau đây:

- Đào tạo tại trung tâm đào tạo của chính hãng;
- Giảng viên chính hãng, có đầy đủ các chứng chỉ cần thiết đảm bảo chất lượng giảng dạy của các khóa học;

- Mỗi học viên phải được trang bị đầy đủ các công cụ, tài liệu cần thiết trong suốt quá trình đào tạo;
- Phải có môi trường thực hành với đầy đủ các trang thiết bị cần thiết cho học viên.

2.4. Chi phí đào tạo

Nhà thầu đề xuất chi phí đào tạo tương ứng cho từng khóa cho 02 phương án:

- Theo số lượng học viên nêu tại Mục III.2.1 - Chương VI - Phần II;
- Theo từng học viên. Căn cứ vào đây, SHB sẽ cử cán bộ tham gia theo nhu cầu thực tế.

2.5. Chuyển giao

- Nhà thầu có trách nhiệm truyền đạt các kiến thức và kỹ năng thao tác trên hệ thống thực tế trong suốt quá trình triển khai, đảm bảo cán bộ kỹ thuật của SHB hiểu rõ và làm chủ hoàn toàn hệ thống;
- Nhà thầu có trách nhiệm xây dựng và cung cấp các tài liệu mô tả chi tiết đầu nối, cài đặt, cấu hình, thiết lập tham số, tinh chỉnh hệ thống và hướng dẫn sử dụng (quy trình vận hành, quản trị, xử lý sự cố...).

IV. BÀN GIAO, NGHIỆM THU

1. Bàn giao

Nhà thầu có trách nhiệm bàn giao các hạng mục chính sau:

- Toàn bộ hàng hóa phải đáp ứng các yêu cầu kỹ thuật nêu tại Mục I.3 - Chương VI - Phần II;
- Lập Biên bản giao nhận hàng hóa về số lượng, chủng loại, cấu hình, xuất xứ của hàng hóa;
- Các tài liệu được liệt kê trong Mục II.1 - Chương VI - Phần II;
- Các nội dung khác có liên quan.

2. Nghiệm thu

Quá trình nghiệm thu thực hiện qua các giai đoạn sau:

- **Nghiệm thu sơ bộ:** sau khi nhà thầu đã hoàn thành việc lắp đặt thiết bị, cài đặt, cấu hình, thiết lập tham số hệ thống đáp ứng yêu cầu kỹ thuật nêu tại Mục II - Chương VI;
- **Nghiệm thu tổng thể:** sau khi hệ thống được đưa vào vận hành chính thức, đáp ứng đúng, đầy đủ các yêu cầu của SHB và được SHB xác nhận bằng các biên bản bàn giao, kiểm tra, nghiệm thu trong từng giai đoạn triển khai, tích hợp, đào tạo, chuyển giao công nghệ

V. BẢO HÀNH, HỖ TRỢ KỸ THUẬT

1. Các yêu cầu chung

- Nhà thầu phải cung cấp dịch vụ bảo hành, hỗ trợ kỹ thuật theo tiêu chuẩn của nhà sản xuất, đáp ứng tối thiểu cơ chế 24x7x4 (24 giờ/ngày, 7 ngày/tuần, thời gian đưa ra phương án khắc phục sự cố tối đa trong vòng 4 giờ);
- Địa điểm bảo hành và hỗ trợ kỹ thuật: tại nơi lắp đặt;
- Nhà thầu phải nêu rõ các nội dung về bảo hành và hỗ trợ kỹ thuật trong HSDT, bao gồm cả các đề xuất với Bên mời thầu về yêu cầu thực hiện chế độ bảo hành và hỗ trợ kỹ thuật;
- Nhà thầu phải cung cấp thư cam kết hỗ trợ và bảo hành của nhà sản xuất đối với các thiết bị phần cứng và phần mềm đề xuất;
- Nhà thầu phải có bộ phận bảo hành và hỗ trợ kỹ thuật tại Hà Nội. Bộ phận trên phải có xác nhận ủy quyền của hãng sản xuất thiết bị chào thầu (cấp bản sao giấy ủy quyền trong HSDT). Nhà thầu cần nêu rõ chế độ sau bán hàng của hãng sản xuất cũng như khả năng đáp ứng của nhà thầu, mức độ thuận tiện trong công tác bảo hành, bảo dưỡng thiết bị.

2. Bảo hành

- Thời gian thực hiện nghĩa vụ bảo hành đối với tất cả các thiết bị phần cứng theo yêu cầu chi tiết hàng hóa kể từ thời điểm hai bên ký biên bản nghiệm thu tổng thể hệ thống;
- Mọi chi phí liên quan đến bảo hành thuộc trách nhiệm của nhà thầu;
- Nội dung bảo hành bao gồm những công việc cụ thể sau:
 - o Khắc phục và xử lý các lỗi phát sinh trong quá trình hoạt động;
 - o Nhà thầu đề xuất phương án dự phòng đối với tất cả các thiết bị phần cứng thuộc phạm vi cung cấp trong thời gian bảo hành, đảm bảo mọi cấu phần của hệ thống không được dừng hoạt động quá 04 giờ kể từ khi SHB thông báo;
 - o Đối với thiết bị phần cứng phát sinh lỗi, nhà thầu phải có thiết bị thay thế tạm thời với cấu hình tương đương nếu không xử lý được trong vòng 4h. Trường hợp các thiết bị phần cứng phải mang đi bảo hành thì thời hạn hoàn trả thiết bị tối đa là 30 ngày. Quá thời hạn này, nếu lỗi của thiết bị chưa được xử lý xong và chưa hoàn trả cho SHB thì nhà thầu phải có trách nhiệm thay thế thiết bị mới 100% với cấu hình tối thiểu tương đương và tương thích với hệ thống sẵn có của SHB;
 - o Kiểm tra tình trạng hoạt động và tối ưu hóa các tham số nhằm giúp cho hệ thống vận hành đạt hiệu quả tốt tối thiểu là 03 tháng/lần;
 - o Thông báo cho SHB các vấn đề liên quan đến tính sẵn có của việc sửa lỗi, cập nhật tương lai và phiên bản mới của phần mềm, firmware;
 - o Cung cấp, sửa lỗi, cập nhật phiên bản mới của các phần mềm, firmware theo tiêu chuẩn của hãng nếu được SHB chấp nhận;

- Sau thời hạn bảo hành, nhà thầu phải có giấy Xác nhận hoàn thành nghĩa vụ bảo hành của SHB.
- Trong HSDT, nhà thầu phải chào giá dịch vụ bảo hành bổ sung cho tất cả các thiết bị phần cứng với thời gian 60 tháng kể từ khi kết thúc thời hạn bảo hành của gói thầu này. Dịch vụ bảo hành bổ sung này phải đáp ứng đầy đủ các yêu cầu về bảo hành và hỗ trợ kỹ thuật được nêu trong HSMT. Phần chào giá này sẽ được xem xét như một cấu phần trong việc đánh giá HSDT. Nếu được SHB lựa chọn, hợp đồng bảo hành bổ sung sẽ được đàm phán, thương thảo và ký ngay khi hết thời gian bảo hành của gói thầu này với mức giá không vượt quá mức giá chào trong HSDT.

3. Hỗ trợ kỹ thuật 24x7x4 theo tiêu chuẩn chính hãng

- Nhà thầu có trách nhiệm phối hợp với SHB hỗ trợ khai thác sử dụng hệ thống, hướng dẫn cho cán bộ kỹ thuật của SHB các tính năng của hệ thống khi SHB yêu cầu;
- Nhà thầu phải cam kết đáp ứng hỗ trợ kỹ thuật 24x7x4 theo tiêu chuẩn chính hãng trong thời gian bảo hành;
- Nhà thầu phải nêu rõ phương pháp tổ chức hỗ trợ kỹ thuật trong HSDT (tổ chức nhân sự, phương pháp liên lạc, quy trình xử lý yêu cầu hỗ trợ kỹ thuật);
- Chế độ hỗ trợ kỹ thuật 24x7x4 bao gồm các yêu cầu cụ thể sau:
 - o Thời gian hỗ trợ kỹ thuật: 24 giờ/ngày và 7 ngày/tuần;
 - o Thời gian đáp ứng: trong vòng 02 giờ kể từ thời điểm nhận được thông báo có sự cố, nhà thầu phải cử cán bộ kỹ thuật có mặt tại nơi phát sinh sự cố để thực hiện khắc phục;
 - o Thời gian đưa ra phương án khắc phục sự cố tối đa 04 giờ kể từ thời điểm nhận được thông báo có sự cố;
 - o Các hoạt động hỗ trợ phải được ghi nhận nhật ký thực hiện.

VI. NHÂN SỰ TRIỂN KHAI VÀ TỔ CHỨC THỰC HIỆN

- Cán bộ quản trị dự án: đã quản trị tối thiểu 03 dự án tương tự trong 03 năm gần nhất.
- Đội ngũ nhân sự triển khai phải đáp ứng các yêu cầu sau: tối thiểu 01 chuyên gia về triển khai máy chủ, 01 chuyên gia về triển khai thiết bị lưu trữ SAN, 01 chuyên gia về triển khai hệ thống HCI sử dụng giải pháp ảo hóa Nutanix AHV (hoặc giải pháp tương đương), 01 chuyên gia về triển khai cơ sở dữ liệu SAP HANA hoặc Oracle:
 - o Kinh nghiệm: đã triển khai dự án tương tự tại vị trí đảm nhiệm trong dự án này.
 - o Chứng chỉ triển khai máy chủ: có 01 trong các chứng chỉ sau tương ứng với từng hãng:

- IBM: IBM Certified Technical Sales Specialist-Power Systems
- HPE:
 - HPE Accredited Technical Professional Server Solutions V3
 - HPE Accredited Solutions Expert Server Solutions Architect V3
- Fujitsu: PRIMERGY - Installation and maintenance training
- Dell-EMC: Dell Certified Systems Expert Associate Server Certification V9.0
- o Chứng chỉ triển khai thiết bị lưu trữ SAN: có 01 trong các chứng chỉ sau tương ứng với từng hãng:
 - IBM:
 - IBM Certified Specialist Storage Technical v2
 - IBM Flash Storage Fundamentals & IBM Flash System V9000 Storage Implementation
 - HPE:
 - HPE Accredited Solutions Expert Storage Solutions Architect V3
 - HPE Accredited Technical Professional Storage Solutions V3
 - Fujitsu: ETERNUS - Installation and maintenance training
 - Dell- EMC: Associate Information Storage and Management Version 3.0
- o Chứng chỉ triển khai HCI Nutanix hoặc các chứng chỉ tương đương:
 - Nutanix Certified Professional – Multicloud Infrastructure 5.x
- o Chứng chỉ triển khai cơ sở dữ liệu: có 01 trong các chứng chỉ sau:
 - SAP Certified Technology Associate - SAP HANA 2.0
 - Oracle Database 12c Administrator Certified Professional
- Nhà thầu phải cam kết các nhân sự trong danh sách nêu trên sẽ triển khai trực tiếp cho dự án này. Trường hợp có sự thay đổi nhân sự triển khai, nhà thầu phải gửi thông báo chính thức tới SHB, cam kết nhân sự thay thế có trình độ tương đương và phải được chấp thuận của SHB.

PHẦN III

TÀI CHÍNH THƯƠNG MẠI

CHƯƠNG VII

YÊU CẦU VỀ ĐIỀU KIỆN TÀI CHÍNH THƯƠNG MẠI

I. Tài khoản thanh toán để thực hiện hợp đồng: Nhà thầu sau khi trúng thầu phải mở tài khoản tại SHB để thực hiện các giao dịch chuyển tiền (tạm ứng, thanh toán) tại Ngân Hàng SHB.

II. Bảng chào giá chi tiết:

- Nhà thầu chào giá chi tiết, mô tả các thông tin cơ bản về nhãn hiệu, model, năm sản xuất, cấu hình kỹ thuật, thời gian bảo hành, số lượng, đơn giá, thành tiền, thuế VAT, tổng giá trị đã bao gồm thuế VAT, chi tiết theo bảng dưới đây :

STT	Tên hàng hóa, nhãn hiệu, model...	ĐVT	SL	Đơn giá (VNĐ)	Thành tiền (VNĐ)	Tiến độ cung cấp
A	THIẾT BỊ PHẦN CỨNG VÀ BẢN QUYỀN PHẦN MỀM					
01	Toàn bộ máy chủ và thiết bị lưu trữ đáp ứng yêu cầu kỹ thuật tại mục I.3.1, chương VI, Phần II	Hệ thống	1			
1.1						
1.2						
02	Hệ thống HCI + License Nutanix AHV (hoặc license giải pháp tương đương) đáp ứng yêu cầu kỹ thuật tại mục I.3.2, chương VI, Phần II	Hệ thống	1			

2.1						
2.2						
03	RedHat Enterprise Linux for SAP Solutions (hoặc SUSE Linux Enterprise Server for SAP Applications)	Subscription	1			
B	DỊCH VỤ					
1	Lắp đặt hệ thống phần cứng	Trọn gói	1			
2	Cài đặt các phần mềm đi kèm thiết bị	Trọn gói	1			
3	Triển khai cài đặt, cấu hình máy chủ, thiết bị lưu trữ và hệ thống HCI	Trọn gói	1			
4	Đào tạo và chuyển giao công nghệ	Trọn gói	1			
5	Bảo hành và hỗ trợ kỹ thuật	năm	3			
C	DỊCH VỤ BẢO HÀNH VÀ HỖ TRỢ KỸ THUẬT SAU KHI HẾT BẢO HÀNH 3 NĂM					
	Năm thứ nhất					
	Năm thứ hai					
	Năm thứ ba					
	Năm thứ tư					
	Năm thứ năm					
	Cộng (A+B)					
	Thuế VAT					

	Tổng giá trị đã bao gồm VAT					
--	------------------------------------	--	--	--	--	--

- Ghi chú: Đối với hệ thống máy chủ, thiết bị phần cứng lưu trữ nêu tại Mục A-1 và hệ thống HCI nêu tại Mục A2 bảng chào giá nêu trên đề nghị nhà thầu chào chi tiết số lượng và đơn giá đảm bảo đáp ứng yêu cầu của SHB và phù hợp với giải pháp của hãng.
- Nhà thầu chào thêm giá dịch vụ bảo hành và hỗ trợ kỹ thuật 05 năm tiếp theo cho tất cả hàng hóa được cung cấp trong phạm vi gói thầu này nhưng không cộng vào tổng giá trị gói thầu. SHB sẽ xem xét, lựa chọn giải pháp có chi phí cạnh tranh nhất để quyết định việc mua dịch vụ với thời gian bảo hành và hỗ trợ kỹ thuật phù hợp
-

III. Điều kiện giao hàng:

- 1. Thời gian:** Hàng hóa được giao trong vòng 06 – 08 tuần kể từ ngày ký Hợp đồng.
- 2. Địa điểm:** Tại Hà Nội

IV. Điều kiện thanh toán, bảo hành và cam kết của nhà thầu

- 1. Phương thức thanh toán:** được chia thành 03 đợt, cụ thể như sau:
 - Đợt 1: Tạm ứng 20% tổng giá trị Hợp đồng trong vòng 15 ngày kể từ ngày Hợp đồng có hiệu lực.
 - Đợt 2: Tạm ứng 20% tổng giá trị Hợp đồng trong vòng 15 ngày kể từ ngày kể từ ngày nhà thầu bàn giao toàn bộ hàng hóa và nhà thầu cung cấp đầy đủ các giấy tờ sau:
 - o Đề nghị tạm ứng
 - o Thư xác nhận sản phẩm dịch vụ của chính hãng xác nhận nhà thầu đã mua đầy đủ các dịch vụ được nêu trong HSMT này đối với các hàng hóa thuộc phạm vi cung cấp.
 - o Biên bản bàn giao ký xác nhận giữa hai bên
 - Đợt 3: Thanh toán 55% tổng giá trị Hợp đồng trong vòng 15 ngày kể từ ngày hai bên ký Biên bản nghiệm thu tổng thể, và nhà thầu cung cấp các giấy tờ sau:
 - o Đề nghị thanh toán
 - o Hóa đơn tài chính hợp lệ
 - o Biên bản nghiệm thu tổng thể ký giữa hai bên
 - Đợt 4: Thanh toán 5% còn lại sau khi hết hạn bảo hành của hàng hóa (hoặc nhà thầu có thể phát hành thư bảo lãnh).
- 2. Bảo hành:** Thời gian bảo hành là 36 tháng cho toàn bộ các thiết bị và bản quyền phần mềm được cung cấp cho SHB.

3. Các cam kết của Nhà thầu:

- Cam kết của Nhà thầu về xuất xứ hàng hóa cung cấp, có đầy đủ CO/CQ;
- Cam kết trách nhiệm của nhà sản xuất về các sản phẩm dự thầu đối với các khiếu kiện của bên thứ ba;
- Cam kết đáp ứng phạm vi cung cấp, tiến độ triển khai, bảo hành và hỗ trợ kỹ thuật sau khi ký hợp đồng;
- Đáp ứng các điều kiện thanh toán của SHB đưa ra;
- Cam kết hỗ trợ và bảo hành của nhà sản xuất đối với các thiết bị phần cứng cung cấp đáp ứng đúng và đầy đủ các yêu cầu do SHB đưa ra.

NGÂN HÀNG TMCP SÀI GÒN – HÀ NỘI



Chức
PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC
Ngô Thu Hà